

Số: 1666/ BVĐKDG-VTTB
V/v : Mời chào giá vật tư y tế

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Vật tư tổng hợp**;

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.
2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá : Phòng VTTB ĐT 0243.8711751
3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục I)

Báo giá được tiếp nhận theo các hình thức sau :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Bộ phận Văn thư – tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.
 - Nhận qua Email : bydkdg@hanoi.gov.vn; và email vttbytducgiang@gmail.com
(Bản scan báo giá và bản mềm excel)
4. Thời gian tiếp nhận báo giá : Từ 08 h ngày 06 tháng 07 năm 2026 đến trước 17h ngày 16 tháng 07 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày 16 tháng 07 năm 2026).

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

1. Danh mục vật tư y tế (theo phụ lục II).

- Các công ty chào giá giữ nguyên STT, số hàng dữ liệu tại biểu Danh mục mời chào giá của bệnh viện :

- Đối với các tiêu chí kỹ thuật của hàng hóa chào nhà thầu đánh giá tương đương hoặc tốt hơn, yêu cầu công ty có giải trình cụ thể và kèm hàng mẫu (nếu hàng hóa chưa từng trúng thầu tại bệnh viện).

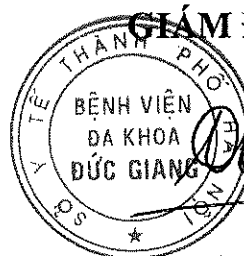
2. Địa điểm giao hàng : Kho vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa Đức Giang- Số 54 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng , TP Hà Nội.
3. Thời gian giao hàng dự kiến :
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không tạm ứng; thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

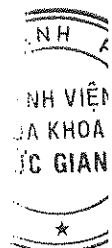
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.



Đỗ Đình Tùng



PHỤ LỤC 01

MẪU BÁO GIÁ VÀ BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

(Kèm theo Thư mời chào giá số /BVDKĐG-VTTB ngày tháng năm 2026)

Tên công ty báo giá

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế như sau :

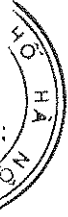
STT	Tên hàng hóa theo thư mời chào giá	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói	Cấu hình kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng SX	Nước SX	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân loại hàng hóa	Đáp ứng/ Tương đương /Tốt hơn
1													
2	...												

- Giá hàng hóa đã bao gồm giá bán và tất cả các loại thuế, phí và chi phí liên quan đến việc cung ứng, vận chuyển đến Kho vật tư y tế - Bệnh viện Đa khoa Đức Giang.

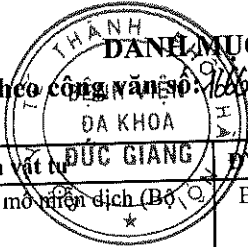
Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá chào của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá và các tài liệu kỹ thuật kèm theo là trung thực.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo công văn số: 166/BVĐKDG-VTTB ngày 06/07/2026)



Nhóm vật tư	STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu CHK T
Xét nghiệm	1	Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch (Bộ kit nhuộm kháng thể 2)	Bộ	4	Bộ thuốc thử dùng để phát hiện kháng nguyên trong kỹ thuật nhuộm hóa mô miễn dịch (Immunohistochemistry - IHC) Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Bộ ≥ 100 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	2	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên PH6	chai	2	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Lọ/chai ≥ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	3	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên PH9	chai	2	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên TRIS EDTA Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Lọ/chai ≥ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	4	Dung dịch đệm rửa tiêu bản	Lọ	4	Dung dịch đệm rửa tiêu bản Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Lọ/chai ≥ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	5	Kháng thể Caretinin	Lọ	2	"Kháng thể đơn dòng thỏ calretinin Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	6	Kháng thể CD56	Lọ	2	Kháng thể đơn dòng chuột CD56 Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	7	Kháng thể Chromogranin	Lọ	2	Kháng thể đơn dòng Chromogranin A Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Chiết xuất từ: Thỏ hoặc Chuột dạng đậm đặc. Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	8	Kháng thể Cytokeratin 20	Lọ	2	Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 20 Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Thành phần: chiết xuất từ chuột dạng pha sẵn. Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD



Xét nghiệm	9	Kháng thể Cytokeratin 5/6	Lọ	2	<p>Kháng thể Keratin CK5/6</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thỏ hoặc chuột dạng pha sẵn.</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	10	Kháng thể Cytokeratin 7	Lọ	2	<p>Kháng thể Cytokeratin CK7 (CK7)</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p> <p>Nhóm hoặc EU</p>
Xét nghiệm	11	Kháng thể Estrogen Receptor	Lọ	2	<p>Kháng thể ER</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thỏ dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p> <p>Nhóm hoặc EU</p>
Xét nghiệm	12	Kháng thể GATA-3	Lọ	2	<p>Kháng thể GATA 3</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p> <p>Nhóm hoặc EU</p>
Xét nghiệm	13	Kháng thể HER2/NEU	Lọ	2	<p>Kháng thể HER2/NEU</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thỏ dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p> <p>Nhóm hoặc EU</p>
Xét nghiệm	14	Kháng thể Ki67	Lọ	2	<p>Kháng thể đơn dòng kháng Ki67</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thỏ dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p> <p>Nhóm hoặc EU</p>
Xét nghiệm	15	Kháng thể Mammaglobulin	Lọ	2	<p>Hỗn hợp kháng thể kháng Mammaglobin</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	16	Kháng thể Napsin A	Lọ	2	<p>Kháng thể Napsin A</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ ≥ 3ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>

Xét nghiệm	17	Kháng thể P40	Lọ	2	<p>Kháng thể p40</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thô dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	18	Kháng thể P63	Lọ	2	<p>Kháng thể p63</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	19	Kháng thể Progesterone Receptor	Lọ	2	<p>Kháng thể PR</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	20	Kháng thể Synaptophysin	Lọ	2	<p>Kháng thể Synaptophysin</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thô dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	21	Kháng thể ALK (5A4)	Lọ	2	<p>Kháng thể ALK (5A4)</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	22	Kháng thể BAPI	Lọ	2	<p>Kháng thể BAPI</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng thô dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	23	Kháng thể đơn dòng thô kháng CDX-2 (EP25)	Lọ	2	<p>Kháng thể đơn dòng thô kháng CDX-2 (EP25)</p> <p>Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD)</p> <p>Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch.</p> <p>Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn</p> <p>Lọ $\geq 3\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>
Xét nghiệm	24	Dung dịch Block Protein	ml	4	<p>Ngăn ngừa sự liên kết không đặc hiệu của kháng thể chính với protein mô trong các phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch.</p> <p>Lọ $\geq 50\text{ml}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD</p>

Xét nghiệm	25	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin AE1/AE3 (AE1/AE3)	Lọ	2	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin AE1/AE3 (AE1/AE3) Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	26	Kháng thể TTF-1 (SPT24)	Lọ	2	*Kháng thể TTF-1 (SPT24) Là sản phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) Được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Thành phần: Kháng thể đơn dòng chuột dạng pha sẵn Lọ ≥ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận IVD
Xét nghiệm	27	Bộ nhuộm Papanicolaou (EA50)	Chai	14	Thành phần chính gồm có: Alcohol 80-100% Eosin Y Phosphotungstic Acid Fast Green (hoặc Light green) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	28	Bộ nhuộm Papanicolaou (Orange-G6)	Chai	14	Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng Thành phần chính gồm có: Alcohol; Phosphotungstic Acid; Orange G Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	29	Gel cắt lạnh	Chai	5	Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh. - Dung dịch lỏng, nhớt, mùi cồn nhẹ, màu trong suốt đến màu vàng nhạt. - Thành phần chính gồm có: Polyvinyl Alcohol: 5-15%; Polyethylene Glycol: 1-10%... Chai/lọ ≥ 100ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Xét nghiệm	30	Nén hạt tinh khiết	Túi	79	Thành phần gồm có hợp chất của parafin tinh khiết và polymers. Không chứa thành phần độc hại. - Không có dimethyl sulfoxide (DMSO) - Mang lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay nhăn lát cắt tế bào. - Độ dày lát cắt giảm xuống ≤ 2µm - Dạng hạt/viên - Nhiệt độ nóng chảy 52-62°C. - Túi 1kg±0.1 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	31	Thuốc nhuộm Eosin Y	Lọ	14	Eosin Y dung dịch nhuộm có chứa cồn, pha sẵn sử dụng trong mô học để nhuộm hematoxylin và eosin thường quy, sử dụng trong nhuộm Papanicolaou và tế bào học Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	32	Thuốc nhuộm Hematoxylin	Lọ	11	Dung dịch màu xanh/tím đậm, - Thành phần chính gồm có: Nước, Hematoxylin, Muối Aluminum, Acid hữu cơ - Tiêu chuẩn ISO 13485 -
Xét nghiệm	33	Thuốc nhuộm PAS	Hộp	5	Bộ gồm 03 chai: Schiff reagent, Periodic Acid 1%, Hematoxylin . - Mỗi chai ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 -

Xét nghiệm	34	Dung dịch Formol trung tính	Lít	798	Dung dịch dạng lỏng, trong, không màu, có đặc trưng của Formaldehyde, tan hoàn toàn trong nước - Thành phần chính: Nước > 90%; Formaldehyde 3.5-4%; Methyl alcohol 1.0-1.5%... - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - hoặc EU
Xét nghiệm	35	Giemsa	Chai	33	Dùng để nhuộm tế bào máu ngoại vi và tế bào u xơ tùy xương. Thành phần chính: Giemsa, Glycerol, Methanol. pH: 6.0 - 8.2 Chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	36	Xylen có mùi	Lít	66	Thành phần: Xylene (Hỗn hợp các đồng phân) > 99 % Điểm nóng chảy/điểm đóng băng: -48 - 13°C Điểm sôi ban đầu: 137 – 142°C Điểm chớp cháy: 25 – 27°C Tỷ trọng tương đối: 0.86 hoặc Mật độ tương đối: 0.8703 – 0.8717 (at 15.56 °C) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	37	Xylen không mùi	Lít	158	Dung dịch dạng lỏng, không màu được sử dụng để xử lý mô trong các mẫu mô học và tế bào học. Thành phần: Isoparaffin H hoặc Naphtha (petroleum), hydrotreated heavy > 99 % Điểm sôi/khoảng sôi: 155 - 179 °C Điểm chớp cháy: 44-60 °C Mật độ: 0,75-0,763 Kg/Dm ³ (15 °C) Thuốc thử được bảo quản ở 10-35°C Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc EU
Xét nghiệm	38	Dung dịch Formaldehyde	Chai	42	Formaldehyde 37%. - Chai ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	39	Kalidicromat	Lọ	2	- Chai/lọ ≥ 500g - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	40	Lithium carbonate	Lọ	4	Bột tinh thể màu trắng. Ít tan trong nước, không tan trong ethanol. Dùng trong Y tế. Độ tinh khiết: ≥ 99% (for analysis). Lọ ≥ 250g. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	41	Bộ kit nhuộm đỏ congo	Bộ	2	Bộ nhuộm amyloid (Congo Red) Hàng hóa là sản phẩm IVD Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
Xét nghiệm	42	Bộ hóa chất nhuộm xanh Alcian	Bộ	2	Bộ hóa chất nhuộm xanh Alcian Hàng hóa là sản phẩm IVD Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
Xét nghiệm	43	Bể + giỏ nhựa nhuộm tiêu bản đứng	Bộ	14	- Bể chứa hóa chất nhuộm bằng nhựa PET có nắp kín dính liền, chịu ăn mòn, chịu được nhiệt độ ≥ 120°C, thể tích ≥ 300ml ± 10 - Giá mang lam bằng nhựa PET có tay cầm, chịu acid, dung, môi, nhiệt độ cao, chứa được ≥ 25 lam/giá. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Xét nghiệm	44	Cassette nhựa có nắp	Cái	14,438	Thiết kế liền khối và chốt khóa cho phép thao tác bằng một tay thuận tiện và giúp khóa chặt nắp trong quá trình xử lý. - Được làm bằng vật liệu P.O.M, chống phản ứng hóa học của dung môi mô học 100%. - Với các lỗ hình chữ nhật có kích thước 5,0mm x 1,0mm. - Với hai vùng dán nhãn lớn ở hai bên hộp và một bề mặt viết nghiêng 45° ở phía trước, tương thích với hầu hết các máy in cassettes. - Có nhiều màu để lựa chọn: Trắng, vàng, xanh, hồng, tím, xám, cam. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	45	Keo dán lamén	Chai	19	Thành phần gồm có: Xylene:50-75%, Acrylic polymer: 25-50%, Ethylbenzene: 2.5-10%, Butylated hydroxytoluene: 1.0-2.5%. Chai/lọ ≥ 100ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Xét nghiệm	46	Khay nhựa cải tiêu bản	Cái	14	Phù hợp với cả tiêu bản kính hiển vi có kích thước 75,0mm x 25,0mm x (0,8-1,2)mm và tiêu bản kính hiển vi có kích thước 76,0mm x 26,0mm x (0,8-1,2)mm trên thị trường. Được làm bằng vật liệu nhựa, có thể tái sử dụng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	47	Lamén (24x50)mm	Hộp	114	- Làm bằng thủy tinh siêu trắng trong suốt, có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Kích thước (24x50) mm - Đóng gói hộp ≥ 100 cái - Tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	48	Lam kính (đầu mài)	Hộp	821	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn. Độ dày: 1.0-1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") ±1mm. Hộp ≥72 chiếc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	49	Lamén (22x22)mm	Hộp	149	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Kích thước (22x22)mm. - Hộp ≥ 100 cái. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	50	Khay gắn bệnh phẩm cắt lạnh	Cái	11	25mm, phù hợp với máy cắt lạnh hãng Thermo
Xét nghiệm	51	Bút mỡ	Cái	4	Dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch
Xét nghiệm	52	Lam nhuộm hóa mô	Cái	936	Lam kính kính điện dương dùng nhuộm hóa mô miễn dịch Kích thước: (25.0 × 75.0)mm. Độ dày: 1.0-1.2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Xét nghiệm	53	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Cái	550	Lưỡi dao cắt tiêu bản dùng một lần các loại, các cỡ -Chất liệu: thép không rỉ -Chiều dài: 80 mm -Chiều cao: 8 mm -Góc lưỡi: 35 độ, Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh, cắt mỏng), độ sắc lưỡi dao ổn định. Sử dụng được cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Xét nghiệm	54	Anti B	Lọ	277	Thuốc thử xác định nhóm máu ABO: Anti-B. Phát hiện kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Lọ ≥ 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	55	Anti A	Lọ	284	Thuốc thử xác định nhóm máu ABO: Anti-A. Phát hiện kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Lọ ≥ 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	56	Anti AB	Lọ	249	Thuốc thử xác định nhóm máu ABO: Anti-AB. Phát hiện kháng nguyên A và B trên bề mặt hồng cầu. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Lọ ≥ 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.
Xét nghiệm	57	Anti D (IgM + IgG)	Lọ	53	Định tính phát hiện type Rho (D) trong mẫu máu người. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Lọ ≥ 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	58	Hồng cầu mẫu phát hiện kháng thể nhóm máu A1 B	ml	680	Bộ hồng cầu mẫu 3-5% dùng để phát hiện các kháng thể nhóm máu ABO ở trong huyết thanh/huyết tương người. Thành phần: Bộ gồm hai lọ, 1 lọ Hồng cầu mẫu A1, 1 lọ Hồng cầu mẫu B Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	59	Hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường hệ hồng cầu	ml	480	Thuốc thử định tính phát hiện các kháng thể bất thường hệ hồng cầu. Một bộ ba lọ hồng cầu ≤ 0.8 % Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	60	Đầu côn 1000 μ l	Cái	17,500	Đầu côn xanh dung tích 1000 μ l, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	61	Đầu côn 200 μ l	Cái	92,475	Đầu côn vàng dung tích 200 μ l, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.

Xét nghiệm	62	Đầu tip 10 μ l có lọc	Tip	22,374	Đầu tip làm bằng nhựa Polypropylen trong suốt có màng lọc. Được khử trùng bằng khí EO hoặc Gamma. Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR. Hộp \geq 96 tip. Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	63	Đầu tip 100 μ l có lọc	Tip	38,764	Đầu tip làm bằng nhựa Polypropylen trong suốt có màng lọc. Được khử trùng bằng khí EO hoặc Gamma. Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR. Hộp \geq 96 tip. Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	64	Đầu tip 1000 μ l có lọc	Tip	20,344	Đầu tip làm bằng nhựa Polypropylen trong suốt có màng lọc. Được khử trùng bằng khí EO hoặc Gamma. Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR.. Hộp \geq 96 tip. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	65	Ống chống đông chân không EDTA K3	ống	475,650	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu tím phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động Hóa chất bên trong ống: Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ \geq 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Chứng nhận CE.
Xét nghiệm	66	Ống nghiệm Heparin	ống	367,500	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong: chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcohol trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ \geq 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Chứng nhận CE - Xuất xứ: Việt Nam
Xét nghiệm	67	Ống nghiệm Natri citrate 3,8%	ống	55,000	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong: Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ \geq 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, Chứng nhận CE - Xuất xứ: Việt Nam

Xét nghiệm	68	Ống nghiệm serum	Cái	76,519	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, dùng để tách huyết thanh. Nắp nhựa đậy kín thành ống. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút. Đạt tiêu ISO 13485. Chứng nhận CE Xuất xứ: Việt Nam
Xét nghiệm	69	Ống nhựa 5ml có nắp	Cái	2,625	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 12 - 13x75mm, nắp trắng, mới 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485; CE (IVDR).
Xét nghiệm	70	Ống nghiệm máu EDTA K2 2ml	ống	5,907	Ống nghiệm 2ml dung tích chứa máu tiêu chuẩn - Bơm hóa chất chống đông EDTA K2 - Kích thước: $\geq 12 * 75$ mm (± 1 mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	71	Ống Eppendorf 1,5ml	Cái	37,752	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 13.000 , nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được). Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	72	Ống Eppendorf 2.0ml	Cái	3,321	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 2ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được). Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	73	Ống PCR 0.2ml	Cái	4,200	Ống làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân - Không chia vạch - Quy cách: túi ≥ 1000 chiếc. Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	74	Lọ lấy mẫu vô trùng	Lọ	13,622	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 50-60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	75	Ống đựng nước tiểu có nắp	ống	78,750	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 16x100mm, nắp trắng, mới 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	76	Pipet nhựa 3ml	Cái	4,125	Dung tích 3ml. Chất liệu nhựa y tế Pipet nhựa trong suốt, Bầu hút mềm. Bề mặt trong trơn, nhãn có chia vạch định lượng. Chiều dài ≥ 15 cm Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	77	Ống nghiệm thủy tinh xét nghiệm máu	Cái	6,612	Chất liệu: thủy tinh. Chiều cao ống từ 8cm-10cm. Dày 0.6mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	78	Ống Falcon 15ml	Cái	420	Thân ống: chất liệu nhựa PP (polypropylene) Thể tích ống khoảng: 15ml Có nắp vận Có vạch chia Tốc độ ly tâm tối đa (RCF) ≥ 12.000 vòng/phút Chịu được dải nhiệt độ rộng từ -80°C đến 120°C. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	79	Que lấy dịch âm đạo (Que lấy bệnh phẩm)	Cái	1,969	Chiều dài ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm (± 5). Dùng để lấy mẫu niêm mạc tế bào cổ tử cung. Đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Xét nghiệm	80	Dầu soi kính hiển vi	Chai	14	Công thức: C ₁₄ H ₁₂ O ₂ . Chiết suất bằng 1,515-1,517. Tỷ trọng: 1L = 1,02kg±0,005. Độ nhớt (20 độ C): 100-120mPas. Chai ≥ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	81	Giấy lọc	Cái	315	Giấy lọc 60x60cm dùng trong thí nghiệm để lọc dung môi và chất lỏng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	82	Khay kháng sinh đồ Vi pha loãng Colistin	Khay	1,260	Khay kháng sinh đồ 96 giếng với các dải giếng có thể tháo rời dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của Colistin với vi khuẩn bằng phương pháp vi pha loãng theo tiêu chuẩn CLSI và EUCAST. - Mỗi giếng đã được gắn sẵn môi trường và kháng sinh đông khô theo nồng độ xác định. - Dải nồng độ ≤0.25 - ≥16 µg/ml - Khay 12 test, có thể dùng đồng thời hoặc tháo rời - Thành phần kit bao gồm: + Khay kháng sinh đồ + Ống dung dịch huyền phù + Khay ủ + Thẻ đọc kết quả - Bảo quản ở -20 đến 8°C. - Có chứng nhận IVD - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Xét nghiệm	83	Que tre (nuôi cấy)	Cái	147,000	Chất liệu: Tre tự nhiên. Kích thước: 11-18cm, đường kính 2-3mm Thân chuốt tròn, nhẵn, Đã hấp sấy tiệt trùng.
Xét nghiệm	84	Ăng cây 1µl	Cái	4,979	Que cấy nhựa 1µl được sản xuất bằng chất liệu nhựa dùng trong y tế, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường nuôi cấy. Đầu que cấy vi sinh tròn, không bavía, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	85	Ăng cây 10µl	Cái	63,000	Que cấy nhựa 10µl được sản xuất bằng nhựa dùng trong y tế, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường nuôi cấy. Đầu que cấy vi sinh tròn, không bavía, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma. Tiêu chuẩn ISO 13485.
Xét nghiệm	86	Thân ống đựng mẫu DTH	Cái	105,000	Chất liệu PP, dùng đựng bệnh phẩm. Kích thước 10-12mm. Có nắp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Xét nghiệm	87	Bộ lọc bạch cầu cho khối hồng cầu	Cái	195	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 02 đầu cắm Spike kết nối với các túi chế phẩm. + 01 đầu Luer-Lock kết nối với bệnh nhân. + 01 bộ tiền lọc kích thước ≤ 200 micron. + 01 màng lọc, chất liệu sợi lọc PE không dệt. + 01 thanh cuộn điều chỉnh tốc độ lọc. + Van xả tích hợp lọc khí (thông khí tự động) tối đa hóa khả năng thu hồi hồng cầu. - Không cần tráng với nước muối - Thể tích bộ lọc: 50ml - Tiệt trùng - Không chứa Latex. - Sử dụng cho lọc 02 đơn vị khối hồng cầu. - Yêu cầu tối thiểu cho chế phẩm sau lọc : + Lượng bạch cầu tồn dư trung bình: $< 0.2 \times 10^6$ + Khối lượng hồng cầu trung bình được bảo toàn sau khi lọc: $> 90\%$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Xét nghiệm	88	Bộ lọc bạch cầu cho khối tiểu cầu	Cái	220	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu hình bộ kit : + 01 đầu cắm Spike kết nối với túi chế phẩm. + 01 đầu Luer-Lock kết nối với bệnh nhân. + 01 bộ lọc thô kích thước ≤ 170 micron trên đường vào. + 01 màng lọc mềm, chất liệu sợi PE không dệt. + 01 buồng đếm giọt. + 01 thanh cuộn điều chỉnh tốc độ truyền. + 01 kẹp trên đường dây. - Tiệt trùng bằng chiếu xạ. - Có thể lọc được 4-6 đơn vị tiểu cầu đơn lẻ - Yêu cầu tối thiểu cho chế phẩm sau lọc : + Lượng bạch cầu tồn dư trung bình : $< 0.1 \times 10^6$. + Khối lượng chế phẩm thu hồi trung bình sau lọc: $> 92\%$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA -
Xét nghiệm	89	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	Bộ	2	<ul style="list-style-type: none"> - Que cấy chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247 - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng - Đóng gói: Bộ ≥ 5 que - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	90	Bộ nhuộm Gram (Color Gram 2)	Hộp	16	<p>Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi</p> <p>Gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm hoặc thành phần tương đương:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Crystal Violet 2. Lugol 3. Decolor (alcohol-acetone) 4. Safranin. <p>Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm</p> <p>Đóng gói: Bộ 4 chai $\times \geq 250$ml.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>
Xét nghiệm	91	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Hộp	19	<p>Bộ hóa chất sử dụng để thực hiện kỹ thuật nhuộm Ziehl Neelsen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ 3 chai $\times \geq 250$ml gồm: Carbo Fuchsin; Alcohol acid; Methylene Blue. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	92	Tinh thể KOH soi nấm	ml	2,000	<p>Hàm lượng KOH 10%</p> <p>Dạng pha sẵn</p> <p>Quy cách: ≥ 500ml/chai</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>

Xét nghiệm	93	Dung dịch Glycerol	ml	2,000	Độ tinh khiết: ≥99% Dạng dung dịch Quy cách: ≥500ml/chai Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	94	Phenol bão hòa	ml	5,500	Hàm lượng C ₆ H ₆ O ≥ 94 g/mol. Quy cách: ≥500ml/chai Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	95	Acid Citric	Kg	1,725	Công thức hóa học: C ₆ H ₈ O ₇ - Tỷ lệ acid citric ≥ 99,5% - Trạng thái vật lý: dạng rắn - Màu sắc: màu trắng - Mùi đặc trưng: không mùi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	96	Acid peracetic	Lít	357	Hàm lượng: + Acid Peracetic ≥ 4.5% + Hydrogen peroxide: ≥26% + Acetic acid: trong khoảng từ 5- 10% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	97	Acid acetic	Lít	9	Dung dịch axit axetic có nồng độ 2 – 5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	98	Acid Clohydric (HCL)	Lít	6	Công thức hoá học: HCl Hàm lượng 32-40% Chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	99	Acid Nitric (HNO ₃)	Lít	2	Dung dịch Acid Nitric (HNO ₃) Hàm lượng: ≥ 65%, Chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Acid các loại	100	Acid Sunfuric (H ₂ SO ₄)	Lít	1	Dung dịch Acid Sunfuric (H ₂ SO ₄) Hàm lượng: ≥ 95-98% Chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	101	Histamine dihydrochloride (Positive control)	Lọ	4	Lọ: 10ml/ml x 2 ml Dạng bào chế: Dung dịch test lấy da; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	102	Bộ xét nghiệm Human Papilloma Virus (HPV)	Test	2,100	"Bộ Kit phát hiện ≥14 tuýp HPV nguy cơ cao từ mẫu phết cổ tử cung. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Xét nghiệm	103	Dung dịch Lugol	Chai	7	Dung dịch Lugol 1-3%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
CTCH	104	Đai số 8	Cái	63	Làm từ vải cotton, nút xốp Có khóa Velcro Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL, XXL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	105	Đai số 8 trẻ em (H1)	Cái	19	Làm từ đệm nút, vải cotton, da, dây đai và băng nhám dính, thiết kế định hình ôm quanh phần xương đòn và nách Bao gồm size XXS, XS Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	106	Băng cố định khớp vai	Cái	313	Làm từ đệm nút có lỗ thoáng khí, vải cotton và hệ thống băng nhám dính giúp cố định phần khớp vai ở tư thế điều trị, cỡ: XXS, XS, S, M, L, XL, XXL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	107	Nẹp chống xoay dài	Cái	125	Làm từ bản nẹp hợp kim nhôm đàn hồi uốn theo độ cong bàn chân, kết hợp với hai thanh nẹp hợp kim nhôm có tác dụng chống xoay và giữ thẳng đầu gối, hệ thống băng nhám dính giúp cố định chân với nẹp, các cỡ tối thiểu: S, M, L, XL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

CTCH	108	Nẹp cổ cứng	Cái	150	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	109	Bột bó 15cm	Cuộn	6,250	Làm từ bột thạch cao liên gạch (Thạch cao $\geq 97\%$, gạch 100% cotton) Vỏ giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15cm, chiều dài ≥ 365 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	110	Bột bó 20cm	Cuộn	3,750	Làm từ bột thạch cao liên gạch (Thạch cao $\geq 97\%$, gạch 100% cotton) Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 20cm, chiều dài ≥ 365 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	111	Nẹp gối	Cái	250	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	112	Áo cột sống	Cái	311	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí Có khóa Velcro và các nẹp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	113	Nẹp chống xoay ngấn	Cái	25	Làm từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot, khóa Velcro Bản nẹp hợp kim nhôm đàn hồi uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân kết hợp với thanh nẹp hợp kim nhôm đặc biệt chịu lực tốt Khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị Sử dụng sau phẫu thuật cổ xương đùi, ổ cối hoặc người già không có chỉ định phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	114	Nẹp cổ mềm	Cái	38	Làm từ mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro Dùng cho các trường hợp chấn thương nhẹ, hạn chế vận động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	115	Nẹp ngón tay	Cái	1,600	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CTCH	116	Nẹp Crame 70cm	Cái	88	Dùng để cố định gãy xương cẳng chân. Dài ≥ 70 cm
CTCH	117	Nẹp Crame 40cm	Cái	63	Dùng để cố định gãy xương cẳng chân. Dài ≥ 40 cm
CTCH	118	Nẹp gỗ chấn thương 80cm	Cái	957	Nẹp gỗ chiều dài $80\text{cm} \pm 2$, rộng $8\text{cm} \pm 0,2$. Độ dày ≥ 1 cm.
CTCH	119	Nẹp gỗ chấn thương 120cm	Cái	831	Nẹp gỗ chiều dài $120\text{cm} \pm 2$, rộng $8\text{cm} \pm 0,2$. Độ dày ≥ 1 cm.

CDHA	120	Bộ bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 2 nồng	Bộ	679	Cấu tạo gồm 2 xylanh 200ml, chất liệu nhựa PP hoặc PET + 1 dây nối áp lực cao làm bằng PVC có chứa van 1 chiều + 1 ống lấy thuốc chữ J Chịu được 300psi Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CDHA	121	Bơm tiêm thuốc cân quang (200ml)	Bộ	679	Cấu tạo gồm 1 xylanh 200ml, chất liệu nhựa PP hoặc PET + 1 dây nối áp lực cao làm bằng PVC + 1 ống lấy thuốc chữ J Chịu được 300psi Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CDHA	122	Bộ xylanh 150ml (dùng cho máy bơm tiêm điện Angiomat Illumena)	Bộ	180	Bộ gồm : 01 Xi lanh dung tích 150ml; 01 ống lấy thuốc Áp suất giới hạn 1200psi. Có đầu kết nối Tiệt trùng sử dụng 1 lần. Tương thích với bơm tiêm điện Angiomat Illumena Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CDHA	123	Phim X-quang (35x43)cm	Phim	25,000	Kích thước 35x43cm. Dùng cho Máy in phim khô Laze Fuji Drypix series tại bệnh viện. Phim được dùng để ghi hình ảnh từ máy X-quang kỹ thuật số, máy chụp cắt lớp số CT, máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp X-quang mạch máu số DSA và các thiết bị điện quang y tế khác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CDHA	124	Phim laser (20 x 25)cm	Phim	14,679	Kích thước 20x25cm. Cấu tạo phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 85% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
CDHA	125	Phim chụp răng tự rửa	Hộp	47	Kích thước (30.5mm x 40.5mm)±0.5, có đính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim. Đóng gói ≥ 50 tờ/hộp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Bông, băng gạc	126	Bông ép phẫu thuật sọ não	Gói	178	Chất liệu: Cotton 100% (bông xơ, tự nhiên, bông y tế). Tốc độ hút nước: < 5s Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix Kích thước: ≥1,5cm x 5cm Đóng gói: ≥ 10 cái/gói, Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Bông, băng gạc	127	Băng cuộn y tế 5m x 10cm	Cuộn	40,417	Kích thước: ≥5m x 10cm Được dệt từ sợi 100% cotton Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Bông, băng gạc	128	Băng cuộn 5cm x 5m	Cuộn	1,310	Kích thước: $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$. Được dệt từ sợi 100% cotton Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	129	Bông gạc đắp vết thương	Cái	439,966	Gồm ≥ 2 lớp vải không dệt hút nước, đệm giữa 1 lớp bông xơ tự nhiên 100% cotton. Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix Quy cách : $\geq 10\text{cm} \times 10$ cm. Đóng gói 1 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	130	Bông viên rửa vết thương	gam	201,310	Chất liệu bông xơ, 100% cotton. Quy cách: Đường kính $\geq 3\text{cm} \times 3\text{cm}$ Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix. Đóng gói $\leq 100\text{g/}$ gói, Vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	131	Bông tiêm	Gam	1,562,907	Sản phẩm được sản xuất từ bông xơ, 100% cotton. Kích thước miếng bông cắt $\geq 2\text{cm} \times 2\text{cm}$ Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ẩm: ≤ 8 %. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Vô trùng. Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	132	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 100cm x 4 lớp vô trùng	Cái	125	Gạc meche dẫn lưu $\geq 0,75\text{cm} \times 100\text{cm} \times \geq 4$ lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Bông, băng gạc	133	Gạc dẫn lưu 1,5x100cmx4 lớp	Cái	625	Kích thước $\geq 1,5\text{cm} \times 100\text{cm} \times \geq 4$ lớp vô trùng. Thành phần: Gạc không dệt hút nước (70% viscose + 30% polyester) Tốc độ hút nước: $\leq 5\text{s}$ Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.

Bông, băng gạc	134	Gạc phẫu thuật	Cái	673,847	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, không lót bông. Quy cách: $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm} \times \geq 8$ lớp, có sợi càn quang Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Tốc độ hút nước ≤ 5 giây Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	135	Gạc bông	Cái	32,188	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, không lót bông. Độ ngấm nước $\geq 5\text{gr nước}/1\text{gr gạc}$. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 15\text{cm} \times 15\text{cm}$, ≥ 6 lớp Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	136	Gạc thận (Cục chèn cầm máu)	Cái	92,188	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 3,5\text{cm} \times 4,5\text{cm} \times \geq 80$ lớp, vô trùng Trọng lượng $\geq 5\text{gam}/\text{cái}$ Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	137	Gạc truyền	Cái	132,725	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, có lót bông. Tốc độ hút nước : $\leq 5\text{s}$. Độ ngấm nước $\geq 5\text{gr nước}/1\text{gr gạc}$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 3\text{cm} \times 3\text{cm}$, ≥ 2 lớp Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	138	Gạc cầu (rửa vết thương)	Cái	628,030	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$. Khả năng hút nước: $\geq 5\text{g nước}/\text{g gạc}$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: hình cầu $\text{Fi} \geq 30\text{mm}$ ≥ 2 lớp Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.

Bông, băng gạc	139	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Cái	94,768	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Độ ngấm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Tốc độ hút nước: < 8 giây. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 30\text{cm} \times 40\text{cm}$, ≥ 6 lớp. Có sợi cản quang Đóng gói 5 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	140	Gạc tiểu phẫu không bông	Cái	179,877	Vải dệt hút nước 100% cotton, không bông Độ ngấm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Tốc độ hút nước: ≤ 5 s; Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách : $\geq 6\text{cm} \times 8$ cm, ≥ 6 lớp Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	141	Gạc tiểu phẫu có bông	Cái	66,163	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Chất tan trong nước $\leq 0.5\%$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 8\text{cm} \times 15$ cm Đóng gói: 1 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	142	Gạc cầu củ (sản)	Cái	1,922	Sản xuất từ gạc và bông hút nước 100% cotton. Bông hút được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, có cản quang, có dây (chỉ) gắn liền với gạc. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 100 gr nước/5gr bông. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: hình cầu $F_i \geq 40\text{mm}$ Đóng gói 1 cái/ gói, vô trùng. Bao bì đóng gói có rãnh , răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.

Bông, băng gạc	143	Gạc Meche phẫu thuật	Cái	6,657	Sản xuất từ vải dệt hút nước 100% cotton. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc Chất tan trong nước $< 0.5\%$ Quy cách: $\geq 3.5\text{cm} \times 75\text{cm} \times \geq 6$ lớp Có sợi cản quang Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Đóng gói ≥ 3 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh, răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Bông, băng gạc	144	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5*7.5cm	Cái	6,250	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách: $\geq 7.5\text{cm} \times 7.5\text{cm} \times \geq 6$ lớp Có sợi cản quang. Đóng gói 10 cái/ gói, vô trùng Bao bì đóng gói có rãnh, răng cưa, hoặc vết khía mịn ở một đầu túi..., đảm bảo độ kín khí, vô trùng nhưng vẫn có thể dễ dàng xé mở bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Băng dính y tế	145	Băng dính lụa 5cm x 5m	Cuộn	32,294	Kích thước $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$. Băng keo nền vải lụa acetate taffeta, đan dệt số sợi $\geq 43 \times 19$ sợi/cm. Lực dính tối đa $\geq 5.5\text{N/cm}$. Có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Băng dính y tế	146	Băng dính cá nhân y tế	Miếng	14,540	Lớp nền: Sợi vải đan hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo gồm: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin, Titanium dioxide, Kẽm dibutyl dithiocarbamate. - Lớp thấm hút có năng thấm hút $> 500\%$ - Lớp chống dính: Polyethylene - Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước $\geq (20 \times 60)\text{mm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Băng dính y tế	147	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước	Miếng	98,940	Cố định băng gạc bảo vệ vết thương, cố định kim lùn, cố định các thiết bị y tế trên da. Lớp phim mỏng bằng màng polyurethane trong suốt không thấm nước. Phủ lớp keo Acrylic Kích thước $\geq (60 \times 70)\text{mm}$ Tuyệt trùng từng miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Băng dính y tế	148	Băng dán mi mắt	Miếng	1,680	Miếng dán dùng cho phẫu thuật nhãn khoa Chất liệu Polyurethane trong suốt, phủ keo acrylate Kích thước $\geq 9\text{cm} \times 12\text{cm}$ Có viền giấy bo tròn tráng silicon Có nhãn ghi chủ ngày giờ dán băng Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Băng dính y tế	149	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Cuộn	50	Thành phần: Vải không đan dệt 50% viscose, 50% polyester, keo Acrylic ít gây dị ứng Co giãn tốt, thông thoáng, độ bám dính cao, giấy lót có vạch chia hỗ trợ cắt băng Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 10\text{m}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Băng dính y tế	150	Băng keo thun co giãn 10cm x 4.5m	Cuộn	69	Thành phần: Băng bằng cotton co giãn, keo là oxyt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót bảo vệ. Co giãn tốt, thông thoáng, độ bám dính cao Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 4.5\text{m}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Băng dính y tế	151	Băng keo giấy 2,5 cm x 5m	cuộn	6,000	- Băng dính màu trắng, không đan dệt, nền 100% Viscose. - Keo acrylic phủ đều. - Lực dính 0.5-4.0 N/cm. - Trọng lượng khối phủ 56-70g/m ² . - Băng có nhiều lỗ nhỏ thông thoáng, êm dịu cho da nhạy cảm. - Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước 2.5cm x 5m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Băng dính y tế	152	Băng thun cuộn (15cm x 4.5m)	Cuộn	2,269	- Có 3 móc cài bằng thép không gỉ để cố định băng - Thành phần cấu tạo từ sợi polyester, sợi cotton, spandex hoặc sợi cao su. - Kích thước: 10cm x 4,5m (03 móc) - Độ co giãn $\geq 200\%$, - Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước: 15cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Băng dính y tế	153	Băng thun cuộn (7.5cm x 4.5m)	cuộn	10,000	Có 2 móc cài bằng thép không gỉ để cố định băng Thành phần cấu tạo từ sợi polyester, sợi cotton, spandex hoặc sợi cao su. Kích thước 7,5cm x 4,5 m (02 móc); Độ co giãn $\geq 200\%$. Có kiểm tra vi sinh Đóng gói 1 cuộn / túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	154	Bao đo huyết áp	Cái	237	Dùng để thay thế trong máy đo huyết áp cơ. Chiều dài: 52cm \pm 2 - Chiều rộng: 14cm \pm 1 - Chất liệu: Vải kaki màu xanh rêu, trong là túi hơi đục liền với 2 ống hơi (chất liệu cao su). - 1 đầu ống nối với đồng hồ, 1 đầu ống nối với quả bóp

Khám bệnh	155	Máy đo huyết áp đồng hồ	Bộ	198	Bộ bao gồm: - 01 Đồng hồ No.500V: thể hiện áp suất và huyết áp chuẩn. Huyết áp có vạch chia từ 20 - 300 mmHg. - 01 Bao đo kèm dây: hay còn gọi là vòng bít được làm bằng chất vải có độ bền cao. - 01 Quả bóp bóng kèm theo valve: quả bóp được sản xuất bằng chất liệu cao su tự nhiên với khả năng chống oxy hóa. - 01 Túi nhựa đựng máy: giúp bảo quản máy và dễ dàng mang đi ra bên ngoài. - 01 Ống nghe No.FT-801: có độ khuếch đại lớn được làm bằng aluminum, được thiết kế với độ chính xác giúp dễ dàng sử dụng và vừa vặn với tai. - 02 Hộp giấy chứa các bộ phận trên hỗ trợ bảo quản khi vận chuyển. - Trọng lượng: 430g±10 - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485.
Khám bệnh	156	Tai nghe tim phổi	Cái	211	01 bộ phận mặt nghe làm bằng nhôm, được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC - Trọng lượng: 130g±2 - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485
Khám bệnh	157	Quả bóp huyết áp	Quả	64	Quả bóp có van cho máy đo huyết áp cơ ALPK2/ALKATO hoặc tương đương
Khám bệnh	158	Bao đo huyết áp mornitor	Cái	104	Loại 1 dây hoặc 2 dây. Chất liệu không chứa latex, dễ dàng làm sạch Vòng bít 25cm-35cm (cho người lớn)
Khám bệnh	159	Canuyn ngáng miệng	Cái	2,818	- Dụng cụ ngáng miệng chống cắn lưỡi dùng để cố định để bảo vệ môi, miệng của bệnh nhân và quan sát cổ họng. - Loại: Không và có dây đeo
Khám bệnh	160	Bao cao su	Cái	15,095	Chất liệu latex cao su tự nhiên. Không màu hoặc trong mờ, không mùi. Đóng gói từng cái riêng lẻ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Khám bệnh	161	Bơm hút thai 1 van	Cái	38	Loại bơm hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kinh nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung. Thể tích ống bơm 60cc. Áp lực hút: 609,6 – 660,4mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	162	Đè lưỡi gỗ	Cái	19,657	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng. Mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng. Kích thước: (150 x 20 x 2)mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	163	Gel bôi trơn	Tuýp	638	Dùng trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi đại tràng, trực tràng. Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. Tuýp ≥ 82g. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	164	Gel siêu âm	Can	332	Gel sử dụng trong siêu âm Không có formaldehyde. Vô khuẩn. Độ pH trong khoảng 6.5-7.5. Can ≥ 5kg (hoặc ≥ 5 lít) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Khám bệnh	165	Kẹp rốn sơ sinh	Cái	3,972	Nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn. Tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	166	Mỏ vịt nhựa	Cái	3,591	Chất liệu: làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn (dùng trong y tế). Dùng để khám phụ khoa, vô trùng, sử dụng một lần, không gây độc hại, không gây kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	167	Natriclorua 0.9%	Chai	2,023	Dung dịch trong suốt không màu, nồng độ muối 0.9%. Chai \geq 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Khám bệnh	168	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách	Cái	354	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Đựng trong hộp nhựa, có bộ phận cố định bảo vệ đầu đo tiếp nhiệt. Hiển thị nhiệt độ: Từ 35°C đến 42°C, khoảng chia vạch 0,1°C. Độ chính xác: \pm 0,1°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	169	Nước cất 2 lần (vô khuẩn)	Lít	1,455	Nước được chưng cất 2 lần; đã tiệt trùng. Đóng can/chai 1-5 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	170	Ống thông khí tai	Cái	32	Đường kính 1,14-1,27mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu trắng hoặc màu xanh. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	171	Tấm trải nylon vô trùng	Cái	2,490	Thành phần chính: túi nylon PE hoặc PP, chống thấm nước. Kích thước: \geq (100 x 130)cm. Tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	172	Vôi soda	Can	78	Vôi soda y tế hấp thụ CO2 dùng trong gây mê. Dạng hạt màu trắng Thành phần chính Ca(OH) ₂ , NaOH Can 5kg \pm 0.5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	173	Lưỡi dao mổ	Cái	19,488	Chất liệu thép không gỉ, mỗi lưỡi được đóng trong 1 túi nhôm, tiệt trùng. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Khám bệnh	174	Áo choàng nilon (hoặc tạp dề nilon)	Chiếc	3,700	Tạp dề có 2 lớp gồm: 1 lớp nilon, 1 lớp tráng nhựa PVC dẻo - Chiều dài \geq 110cm - Ngang \geq 65cm - Nhiều màu
Khám bệnh	175	Băng che mắt chiếu vàng da	cái	1,684	Các cỡ Kết cấu 3 lớp: 2 lớp vải cotton và 1 lớp đệm Dây đai cố định bằng vật liệu co giãn, có thể dễ dàng điều chỉnh theo chu vi vòng đầu từ 200mm-380mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Khám bệnh	176	Bao chỉ dùng cho máy dự phòng huyết khối	Đôi	100	<ul style="list-style-type: none"> - Bao chỉ dùng cho máy bơm áp lực ngắt quãng. Có 3 kích cỡ S, M, L. - Các size tương ứng với chiều dài vòng bấp dùi của bệnh nhân. - Thiết kế dạng bao nhỏ, phân tán đều áp lực. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE và FDA - Công ty đặt máy theo yêu cầu của Bệnh viện khi trúng thầu
Khám bệnh	177	Bộ quần áo phòng dịch	Bộ	105	<p>Gồm tối thiểu 5 món: bộ áo liền quần có mũ; khẩu trang y tế ≥ 3 lớp, có gọng; bao chân; găng tay cao su latex khám bệnh; tấm ngăn giọt bắn,</p> <p>Phân loại cấp độ: 3 trở lên</p> <p>Đóng gói: 1 bộ/gói, tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Khám bệnh	178	Mặt nạ phòng độc	Cái	17	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Loại vừa - Chất liệu: nhựa và màng poly, phin lọc hoạt tính - Mặt nạ che nửa mặt, ≥ 01phin lọc, - Đạt tiêu chuẩn OSHA hoặc Tiêu chuẩn: NIOSH – USA
Khám bệnh	179	Giấy sát khuẩn lau bề mặt	Hộp	39	<p>Giấy sát khuẩn lau bề mặt trong y tế (Cavi Wipes) hoặc tương đương</p> <p>Hộp ≥ 100 cái/tờ</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Khám bệnh	180	Dụng cụ cắt khâu bao quy đầu dùng một lần	cái	120	<p>Dụng cụ cầm tay cắt bỏ phần da bao quy đầu thừa hoặc phần hẹp bao quy đầu các cỡ</p> <p>*Cấu hình tối thiểu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy: 1 cái - Ghim bằng titan - Dây thắt: 1 cái - Thước đo: 1 cái - Băng cuộn: 1 cái <p>Máy đã được đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Khám bệnh	181	Parafin	Kg	700	<p>Dạng sáp</p> <p>Điểm nóng chảy: $\geq 47^{\circ}\text{C}$</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Khám bệnh	182	Túi đựng nước tiểu	Cái	13,016	<p>Túi đựng nước tiểu dung tích $\geq 2000\text{ml}$, được làm từ PVC. Van xả 1 chiều chữ T.</p> <p>Dây dẫn $90\text{cm} \pm 5$ có van chống trào ngược và nắp đậy.</p> <p>Có vạch chia dung tích.</p> <p>Tiệt trùng bằng khí E.O.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Khám bệnh	183	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	63	<ul style="list-style-type: none"> - Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, phần đế làm từ hydrocolloid, khóa cuốn hoặc khóa kẹp. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	184	Bao đo áp lực xâm lấn 500ml	Cái	137	<p>Bao đo áp lực dung tích $\geq 500\text{ml}$</p> <p>Đồng hồ đo áp lực dải đo từ 0 mmHg, 175mm Hg, 300 mmHg.</p> <p>Khi quá áp van tự động được kích hoạt giúp giảm áp lực quay trở lại ngưỡng an toàn.</p> <p>Có móc treo</p> <p>Có van khóa stopcock</p> <p>Tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>

Khám bệnh	186	Túi đựng máu đơn	Cái	109	Túi máu đơn ≥ 250 ml chứa chất chống đông CPDA-1, gồm dây dẫn máu và khóa kẹp bằng nhựa Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Khám bệnh	187	Bao đo lượng máu sau sinh	Cái	1,525	Bao đo lượng máu sau sinh được làm bằng nhựa PE nguyên sinh. Có thể đo thể tích từ 100cc đến 2000cc. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
Khám bệnh	188	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ	1,055	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch xâm lấn và các phụ kiện tương thích với các loại máy theo dõi bệnh nhân. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Khám bệnh	189	Kim khâu da các loại	Cái	63	Chất liệu: thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Khám bệnh	190	Kim chích máu	Cái	71,903	Đầu kim thép không gỉ. Size: 28G. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Khám bệnh	191	Túi đóng thuốc sắc	Cặp	16	Túi đựng thuốc sắc. - Bộ túi bao gồm: 01 cuộn mặt trước và 01 cuộn mặt sau. - Chiều rộng: ≥ 10 cm. - Chiều dài: ≥ 360 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	192	Kim cấy chỉ	Chiếc	125	- Kim cấy chỉ dùng một lần bao gồm thân kim, lõi kim được làm từ sợi thép y tế không gỉ. Giá lót lõi, Giá đỡ kim và Ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. - Thân kim có các vạch chia. - Giá đỡ kim, ống bảo vệ không màu. Kích cỡ đường kính: 0,7mm, 0,8mm, 0,9mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Khám bệnh	193	Kim châm cứu các cỡ	Cái	250,000	Kim châm cứu vô trùng. Thân kim làm từ thép không gỉ, cán thép. Kích thước: đường kính kim 0.30 mm, độ dài kim từ 13mm đến 75 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.
Khám bệnh	194	Tăm bông	Que	35,700	- Đầu bông của Que Tăm Bông màu trắng; làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton. - Que 02 đầu bông tiệt trùng, đường kính đầu bông 3mm-5mm - Kích thước que nhựa: 7.5cm-15cm - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2015
Khám bệnh	195	Que thăm hút dịch	que	1,050	Que thăm hút dịch Đầu hình tam giác Que (tay) cầm bằng nhựa polypropylene Ứng dụng bao gồm LASIK và phẫu thuật khúc xạ. Đã tiệt trùng, sử dụng một lần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Cầm máu	196	Chỉ Nylon 5/0	Sợi	2,779	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 16mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% Polyamide 6-6.6 (PA). Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	197	Chỉ Nylon số 6/0	Sợi	1,480	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 6/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 12-13mm, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	198	Chỉ Nylon 2/0	Sợi	203	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài ≥ 26 mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	199	Chỉ Nylon 3/0	Sợi	7,225	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 24-26mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	200	Chỉ Nylon 4/0	Sợi	4,342	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 18-19mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	201	Chỉ Nylon số 10/0	Sợi	255	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon 10-0 màu đen, dài ≥ 30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài ≥ 6 mm, độ cong 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	202	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 3/0	Sợi	275	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 3/0, dài ≥ 75 cm. Kim tròn, dài ≥ 26 mm, độ cong 1/2c vòng tròn. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	203	Chỉ thép	Cuộn	38	Chất liệu thép không gỉ Đường kính từ 0.3 đến ≥ 1.0 mm Dài ≥ 10 m/ cuộn Có công cụ hỗ trợ tương thích (nếu cần) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	204	Chỉ Nylon số 1	Sợi	275	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 1. Chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 30-40 mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.

Cầm máu	205	Chỉ Polypropylene số 7/0	Sợi	688	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene số 7/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn, đầu cắt, dài 9-10mm, độ cong 3/8 vòng tròn, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	206	Chỉ Glyconate số 3/0	Sợi	625	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 3/0. Thành phần: có tối thiểu 72-75% Glycolic, 14-25% Caprolacton, chỉ dài ≥ 70 cm; Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài 22-26mm, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	207	Chỉ Glyconate số 4/0	Sợi	698	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 4/0. Thành phần: có tối thiểu 72-75% Glycolic, 14-25% Caprolacton, chỉ dài ≥ 70 cm; Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài 22mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	208	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 2/0	Sợi	5,336	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài ≥ 26 mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	209	Chỉ tiêu Polyglactin 910 số 7/0	Sợi	38	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 7/0, dài ≥ 30 cm Thành phần: được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate. Hai kim tròn thiết diện hình thang, dài 6.5 và 8mm, tương ứng độ cong 3/8 và 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	210	Chỉ Polypropylene số 3/0	Sợi	375	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài ≥ 90 cm. 2 kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn dài ≥ 26 mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	211	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 4/0	Sợi	3,958	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 4/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn dài ≥ 20 mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.

Cầm máu	212	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 1	Sợi	9,614	<p>Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid (PGA) số 1 dài ≥ 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, kim làm bằng hợp kim 300 series được phủ silicone.</p> <p>Chỉ được cấu tạo bởi 100% polyglycolic Acid (PGA), được phủ Polycaprolactone và calcium stearate.</p> <p>Chỉ duy trì được sức căng 65-84% sau 2 tuần, 23-25% sau 4 tuần và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày.</p> <p>Đã Đóng gói tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	213	Chỉ tiêu Polyglactin 910 số 6/0	Sợi	99	<p>Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0, dài ≥ 70cm</p> <p>Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài 12mm-13mm, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	214	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 5/0	Sợi	820	<p>Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 5/0, dài ≥ 75cm.</p> <p>Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài 16-17mm</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	215	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 3/0	Sợi	1,592	<p>Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 3/0, chỉ dài ≥ 75cm.</p> <p>Kim tròn, 1/2c, dài ≥ 26mm.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	216	Chỉ lạnh	Cuộn	25	<p>Chất liệu 100% bằng sợi cotton.</p> <p>Chiều dài ≥ 360cm/ cuộn</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Cầm máu	217	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0	Sợi	4,332	<p>Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0, dài ≥ 75cm.</p> <p>Kim tròn, đầu tròn, dài ≥ 26mm, 1/2 vòng tròn</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon</p> <p>Đóng gói tiệt trùng.</p> <p>Tan hoàn toàn sau ≤ 42 ngày.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	218	Chỉ catgut cromic 5/0	sợi	145	<p>Chỉ phẫu thuật tự tiêu Catgut Chromic số 5/0, dài ≥ 75cm;</p> <p>Chỉ làm từ collagen tinh khiết</p> <p>Kim tam giác, độ cong trong khoảng từ 3/8 đến 1/2 vòng tròn, dài 12-16mm.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>
Cầm máu	219	Chỉ catgut cromic 4/0	Sợi	32	<p>Chỉ phẫu thuật tự tiêu Catgut Chromic số 4/0, dài ≥ 75cm,</p> <p>Chỉ làm từ collagen tinh khiết</p> <p>Kim tam giác, độ cong 1/2 vòng tròn, dài 17-26mm.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.</p>

Cầm máu	220	Chỉ Chromic Catgut 6/0	Sợi	200	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 6/0, dài ≥ 75 cm Chỉ làm từ collagen tinh khiết Kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài ≥ 12 mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	221	Chỉ Chromic Catgut 7/0	Sợi	100	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm Chromic Catgut số 7/0, dài ≥ 30 cm, Kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài ≥ 12 mm Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	222	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 7/0	Sợi	221	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 7/0 dài ≥ 75 m Kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, dài 12-13mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	223	Chỉ mạch máu số 4	Sợi	625	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu $\geq 95\%$ polypropylene. Chỉ số 4/0, dài ≥ 90 cm Hai kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm, độ cong 1/2 vòng tròn Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	224	Chỉ mạch máu số 5	Sợi	625	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu $\geq 95\%$ polypropylene, số 5/0, dài ≥ 75 cm; Hai kim tròn, đầu nhọn, dài ≥ 13 mm, độ cong 1/2 vòng tròn, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon; Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	225	Chỉ mạch máu số 6	Sợi	589	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu $\geq 95\%$ polypropylene, số 6/0, dài ≥ 75 cm; Hai kim tròn, đầu nhọn, dài ≥ 13 mm, độ cong 3/8 vòng tròn, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon; Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	226	Chỉ Silk Black số 2/0	Sợi	4,000	Chỉ không tan đa sợi tự nhiên số 2/0, dài ≥ 75 cm Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, dài ≥ 26 mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon; Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	227	Chỉ tiêu Polyglactin 910 số 2/0	Sợi	20	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài ≥ 70 cm Kim tam giác, độ cong 1/2 vòng tròn, dài ≥ 26 mm, Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon; Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Cầm máu	228	Chỉ Perlon (Pecfon)	Cuộn	13	Thành phần: Sợi tơ làm. Dài ≥ 120 m/ cuộn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Cầm máu	229	Chỉ khâu có gai không cần buộc số 3/0	cái	54	Chỉ khâu tiêu có gai không cần buộc số 3-0, dài ≥ 30 cm Kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon; Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	230	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim	Cái	668	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi công nghệ Tri-staple hoặc tương đương. Các cỡ băng ghim dài 30mm, 45mm, 60mm, 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim trước đập từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm hoặc 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, sau khi đập là 0.88 - 1.5mm hoặc 1.5 - 2.25mm, ghim bằng Titan. Băng ghim khi lắp vào dụng cụ tương thích có thể bẻ góc 45 độ mỗi bên với 11 điểm gấp góc (5 điểm mỗi bên và điểm ở giữa). Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	231	Băng ghim khâu cắt thẳng tự động (mở mở) tương thích với dụng cụ khâu cắt thẳng tự động (mở mở)	cái	60	- Loại băng ghim thẳng, có 3 hàng ghim mỗi bên (Có chiều cao khác nhau) - Chất liệu ghim bằng Titanium. - Chiều dài đường ghim ≥ 80 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	232	Dụng cụ (máy) cắt nối tự động dùng trong mổ nội soi, tương thích với băng (đạn) ghim khâu nội soi	cái	10	Dụng cụ cắt nối tự động dùng trong mổ nội soi tương thích với băng ghim khâu cắt nội soi. Dụng cụ khi gắn vào băng ghim tương thích có thể bẻ góc 45 độ mỗi bên Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.
Dụng cụ khâu cắt tự động	233	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn, thành bụng	cái	20	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị Có ≥ 25 ghim, chất liệu Titanium Ghim cao ≥ 3.8 mm, Đường kính cán ≥ 4 mm. Chiều dài phần chứa ghim ≥ 35 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	234	Dụng cụ (máy) cắt khâu nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ	cái	16	Dụng cụ (máy) cắt khâu nối ống tiêu hóa tròn các cỡ đường kính (28mm hoặc 29mm và 31mm hoặc 33mm). Có ba hàng ghim chất liệu titanium, chiều cao ghim không bằng nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	235	Dụng cụ (máy) cắt nối tự động dùng trong mổ mở, tương thích với băng (đạn) ghim khâu	cái	9	Dụng cụ cắt nối tự động dùng trong mổ mở cỡ ≥ 75 mm, tương thích với băng ghim mổ mở có 3 hàng ghim mỗi bên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA
Dụng cụ khâu cắt tự động	236	Lưới (tấm màng nâng) điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester dùng trong mổ nội soi	Cái	160	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester đơn sợi Tùy chọn cho thoát vị bẹn bên phải hoặc bên trái Các cỡ Kích thước $\geq 15 \times 10$ cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Đạt tiêu chuẩn FDA

Phòng mổ	237	Catheter 2 nòng (Catheter chạy thận nhân tạo)	Cái	717	Catheter chạy thận chất liệu: Polyurethane Gồm: catheter; cây nong; kim luồn; xi lanh; dây luồn; băng dán; nắp heparin; dao mổ; chỉ liền kim - Kích cỡ: 12Fr, chiều dài catheter 16 cm hoặc 20 cm - Đầu thẳng, 2 nòng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	238	Catheter 2 nòng có cuff đặt đường hầm để chạy thận	Bộ	14	Bộ tối thiểu có 1 Catheter, 1 Kim hướng dẫn 1 Dây dẫn đường đầu chữ J kích thước khoảng 0,035" x 70cm hoặc 100cm 2 Que nong 1 Dao 1 dụng cụ tạo đường hầm 1 thông luồn catheter 15-18Fr có van khóa khí 2 nắp đậy catheter. Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	239	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Cái	93	Bộ dụng cụ gồm: - Catheter chất liệu: Polyurethane, cỡ 14G hoặc 16G, dài ≥ 20 cm, Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cán quang. - Dây dẫn đầu chữ J, làm bằng Nitinol hoặc thép không gỉ: đường kính 0.032 hoặc 0,035" x 60cm, có nắp. - Ống nong cỡ 8Fr. - Kim dẫn đường thẳng hoặc chữ V/Y - Kèm theo ≥ 1 bơm tiêm 5ml, ≥ 1 dao mổ, ≥ 1 nắp đậy Heparin, ≥ 1 kẹp, ≥ 1 tếp chỉ. Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	240	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Cái	313	Một bộ bao gồm: - Catheter chất liệu: Polyurethane, cỡ 7Fr-7.5Fr, dài 15cm - 20cm, trên thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cán quang. Lưu lượng các nòng Proximal: ≥ 18 ml/phút và Distal: ≥ 77 ml/ phút. 1 Kim dẫn đường chữ Y Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032" hoặc 0,035" x 60cm, có nắp bảo vệ Thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J. Ống nong cỡ 8Fr. - Kim dẫn đường thẳng hoặc chữ V/Y - Kèm theo ≥ 1 bơm tiêm 5ml, ≥ 1 dao mổ, ≥ 1 nắp đậy Heparin, ≥ 1 kẹp, ≥ 1 tếp chỉ. Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA .

Phòng mổ	241	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Cái	1,520	<p>Một bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter chất liệu: Polyurethane, cỡ 7Fr-7.5Fr, dài 15cm - 20cm, trên thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang. Lưu lượng các nòng Distal: ≥ 54ml/phút, Proximal: ≥ 20ml/phút, Midal: ≥ 20ml/phút. - Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032" hoặc 0,035x60cm, có nắp bảo vệ, - Thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol), đầu chữ J. - Ống nong cỡ 8Fr. - Kim dẫn đường thẳng hoặc chữ V/Y - Kèm theo ≥ 1 bơm tiêm 5ml, ≥ 1 dao mổ, ≥ 1 nắp đậy Heparin, ≥ 1 kẹp, ≥ 1 tếp chỉ. - Đóng gói vô trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	242	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng trẻ em	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> - Kim dẫn đường Seldinger, kim thẳng (S) - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, chống vặn xoắn, đầu chữ J. - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. - Catheter bằng chất liệu polyurethan với đầu catheter mềm chữ J, có vạch đánh dấu chiều dài, đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22. - Đầu nối catheter có van 2 chiều. - Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	243	Catheter gây tê ngoài màng cứng	Bộ	950	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kim đầu cong 18G, dài 80mm, thân có vạch đánh dấu chiều dài. 2. Bơm tiêm giảm kháng lực, không latex 3. Catheter bằng polyamid không bị gẫy gập, dài ≥ 915mm, có vạch đánh dấu chiều dài (hoặc đường cân quang ngầm), có 3 lỗ thoát thuốc. 4. Đầu nối catheter dạng nắp bật hoặc phẳng. 5. Màng lọc với kích thước lỗ lọc ≤ 0.2 micron. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	244	Ống thông động tĩnh mạch rốn	Cái	63	<p>Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. - Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. - Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC, - Dài 37-40cm, có tối thiểu các cỡ 3.5 và 5Fr. - Tốc độ dòng truyền dịch > 3 lml/phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Phòng mổ	245	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	Cái	250	<p>Được dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi, tương thích với module PICCO - Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch - Chất liệu được làm bằng Polyurethane - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài sử dụng: 200mm - Đặc tính và chiều dài của dây dẫn: Đường kính 0,53 mm/ chiều dài 600mm - Chiều dài của kim dẫn: <ul style="list-style-type: none"> + Kim 18G/ chiều dài 80 mm + Kim 20G/ chiều dài 55 mm - Que nong mạch: Đường kính ngoài 1,8 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	246	Catheter tĩnh mạch 2 nòng	Bộ	10	<p>Kim dẫn đường Seldinger, kim thẳng (S)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Catheter bằng chất liệu polyurethan với đầu catheter mềm, có vạch đánh dấu chiều dài, đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22 -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, ngăn trào ngược và xâm nhập của các tác nhân bên ngoài -Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu chiều dài, đầu J linh hoạt tránh làm tổn thương thành mạch -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	247	Catheter tĩnh mạch rốn nhiều nòng (2 nòng) sơ sinh	cái	50	<p>Catheter mạch rốn 2 nòng chất liệu PUR dài 20cm, cỡ 4Fr, có đánh dấu cân quang</p> <p>Thể tích mỗi dịch 2 x 0,26ml</p> <p>Tốc độ truyền từ 11 đến 12ml/ phút</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	248	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng 5F,6F	cái	130	<p>Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter chất liệu polyurethane, kích cỡ 5F, 6F nòng catheter 18G, chiều dài 60 cm thể tích mỗi khoảng $\geq 0.54\text{mL}$ và $\geq 0.6\text{mL}$, tốc độ truyền dịch mỗi nòng ≥ 500 ml/giờ, thiết kế hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gãy Dây dẫn bằng thép không rỉ với chiều dài 70cm Thông nòng 10 cm 01 Lưỡi dao 01 Kim dẫn đường 21G Có nắp đậy cho mỗi nòng catheter Có thiết bị cố định phù hợp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	249	Catheter Forgatty các cỡ	Cái	220	<p>Ống thông lấy huyết khối các cỡ</p> <p>Ống thông thẳng, có cân quang</p> <p>Đầy đủ kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F.</p> <p>Đường kính bóng từ $\leq 4.5\text{mm}$ đến $\geq 14\text{mm}$.</p> <p>Bóng bằng cao su, có vạch chia trên thân</p> <p>Thể tích bóng: các cỡ từ $\leq 0,05\text{ml}$ đến $\geq 1,75\text{ml}$.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA;</p>

Phòng mổ	250	Buồng tiêm truyền cấy dưới da Titanium	Bộ	138	Buồng chứa Titanium kết hợp vỏ ngoài Polysulfone, màng ngăn silicone chịu được áp lực cao ≥ 300 psi. Đáp ứng điều kiện chụp CT, MRI Catheter Polyurethane tương thích sinh học Đường kính ngoài ống thông 6F-6.5F hoặc 8F-8.5F. Chất liệu ống thông bằng Silicone hoặc Polyurethane. Đóng gói tối thiểu gồm các chi tiết: 01 buồng truyền - 01 catheter cân quang hoặc 01 catheter silicone cân quang - 01 kim thẳng - 01 kim vít góc phải - 01 bơm tiêm 10ml hoặc 12ml - 01 kim dẫn đường 18G - 01 dụng cụ tạo đường hầm - 01 kim dành cho buồng truyền 20G hoặc 22G - 01 dụng cụ lấy ven - 02 khóa catheter - 01 Guidewire đầu cong chữ J - 01 kim mở đường kèm dụng cụ nong mạch Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	251	Bộ dẫn lưu loại II	Cái	100	Dùng trong thủ thuật dẫn lưu Dẫn lưu màng phổi, dẫn lưu dịch ổ bụng và các mục đích dẫn lưu khác Bộ bao gồm: 01 ống thông, 01 kim dẫn đường trocar, 01 kim chọc trocar, 01 bộ đuối thẳng Pigtail. Ống thông: - Chất liệu Polyurethane, phủ ngoài lớp ái nước. - Đầu cong có dạng đuôi lợn (Pigtail), loại 1 đầu, có khóa. - Có tối thiểu 3 lỗ thoát dịch. - Có điểm đánh dấu cân quang. - Có tối thiểu cỡ có đường kính 10 Fr - Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	252	Catheter tĩnh mạch trung tâm cho trẻ sơ sinh	Cái	10	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR: + Cỡ 1Fr + Dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	253	Kim đặt động mạch đo Huyết áp xâm lấn	Cái	585	Chất liệu: Catheter Polyurethane Kích thước: 18G hoặc 20G * Bộ gồm: - Catheter - Guide wire 0.035"x 50cm hoặc 0.021"x 20cm - Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm - Bơm tiêm 5cc hoặc 2.5cc - Đóng gói tiệt trùng EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	254	Phổi nhân tạo cấp cứu	Bộ	15	Diện tích màng lọc $\geq 2,5m^2$. Vật liệu màng lọc: Polymethylpentene. Tổng thể tích mỗi máu: $\geq 620ml$. Áp lực hoạt động tối đa ≥ 1000 mmHg (133 kPa). Chiều dài dây dẫn $\geq 1,7m$. Lưu lượng tối đa: $\geq 7l/phút$. Tương thích với máy ECMO Terumo hiện có tại bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	255	Canuyn động mạch	Cái	15	<p>Đường kính: 16.5Fr. Chiều dài ≥ 15cm. Cổng kết nối thẳng 3/8" đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim luồn 18G, dây dẫn đường ≥ 80 cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài 15cm, dao mổ dùng 1 lần. Tương thích với máy ECMO Terumo hiện có tại bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	256	Canuyn tĩnh mạch	Cái	15	<p>Canuyn tĩnh mạch. Đường kính: 21Fr. Chiều dài ≥ 50 cm. Cổng kết nối thẳng 3/8" đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim luồn 18G, dây dẫn đường ≥ 150cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài ≥ 15cm, dao mổ dùng 1 lần. Tương thích với máy ECMO Terumo hiện có tại bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	257	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần	Bộ	3,000	<p>Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Hộp nhựa có màu (tránh thuốc tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng) đựng túi chứa dịch trong suốt có ống nhựa đàn hồi và dây truyền ngăn nối tới đầu nối Luer; có vách ngăn. - Cung cấp tối thiểu các cỡ có các dung tích: 50ml, 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. - Cơ chế chống rò rỉ dịch: 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. - 01 Khóa đóng mở dòng chảy - 01 Dây truyền dịch loại dài chiều dài ≥ 100cm - Có bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược. <p>Nhà thầu cam kết cho mượn máy theo số lượng của Bệnh viện yêu cầu khi cung ứng vật tư, máy phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành theo quy định của Bộ Y tế, cung cấp hồ sơ kèm theo.</p>
Phòng mổ	258	Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động dung tích ≤ 300 ml	Bộ	5,000	<p>Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 01 hộp nhựa (vỏ) thể tích ≤ 300ml + 01 túi chứa dịch làm từ nhựa PVC + 01 ống nối đàn hồi. + 01 dây truyền dịch ngăn làm từ PVC dài 20cm, đầu nối luer và khóa dòng chảy. + 01 dây nối dài làm từ PVC dài 100cm có van lọc khí và van chống chảy ngược. <ul style="list-style-type: none"> - Có thể sử dụng liên tục trong ≥ 7 ngày kể từ khi mở gói. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Nhà thầu cam kết cho mượn máy theo số lượng của Bệnh viện yêu cầu khi cung ứng vật tư, máy phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành theo quy định của Bộ Y tế, cung cấp hồ sơ kèm theo.

Phòng mổ	259	Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động dung tích $\geq 500\text{ml}$	Bộ	500	Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động gồm: + 01 hộp nhựa (vỏ) thể tích $\geq 500\text{ml}$ + 01 túi chứa dịch làm từ nhựa PVC. + 01 ống nối đàn hồi làm từ TPU. + 01 dây truyền dịch ngắn làm từ PVC dài 20cm, đầu nối luer và khóa dòng chảy. + 01 dây nối dài làm từ PVC, dài 100cm có van lọc khí và van chống chảy ngược. - Có thể sử dụng liên tục trong ≥ 7 ngày kể từ khi mở gói. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA Nhà thầu cam kết cho mượn máy theo số lượng của Bệnh viện yêu cầu khi cung ứng vật tư, máy phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành theo quy định của Bộ Y tế, cung cấp hồ sơ kèm theo.
Phòng mổ	260	Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động dung tích $\geq 50\text{ml}$	Bộ	500	Bộ cassette dùng cho bơm truyền dịch lưu động gồm: + 01 hộp nhựa (vỏ) thể tích $\geq 50\text{ml}$ + 01 túi chứa dịch làm từ nhựa PVC. + 01 ống nối đàn hồi. + 01 dây truyền dịch ngắn làm từ PVC dài 20cm, đầu nối luer và khóa dòng chảy. + 01 dây nối dài làm từ PVC, dài 100cm có van lọc khí và van chống chảy ngược. - Có thể sử dụng liên tục trong ≥ 7 ngày kể từ khi mở gói. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA Nhà thầu cam kết cho mượn máy theo số lượng của Bệnh viện yêu cầu khi cung ứng vật tư, máy phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành theo quy định của Bộ Y tế, cung cấp hồ sơ kèm theo.
Phòng mổ	261	Tay dao hàn mạch mổ mở	Cái	30	Tay dao hàn mạch dùng trong mổ mở, hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao $\geq 23\text{cm}$, đường kính thân dao $\geq 5\text{mm}$, quay ≥ 350 độ. Tương thích với máy Valleylab LS10 có tại Bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.
Phòng mổ	262	Tay dao hàn mạch Ligasure mổ nội soi	Cái	60	Tay dao hàn mạch dùng trong mổ nội soi, hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao $\geq 37\text{cm}$, đường kính thân dao $\geq 5\text{mm}$, quay ≥ 350 độ. Tương thích với máy Valleylab LS10 có tại Bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.
Phòng mổ	263	Tay dao hàn mạch dạng kéo	Cái	10	Sáp cầm máu xương $\geq 2.5\text{g/miếng}$. Thành phần: sáp ong và isopropyl palmitate. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	264	Tay dao siêu âm	Cái	20	Tay dao siêu âm không dây các cỡ dùng trong mổ nội soi, Phù hợp với bộ phát dao siêu âm không dây cung cấp kèm theo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Phòng mổ	265	Pin dao siêu âm không dây	Cái	2	Pin sạc lithium-ion tái sử dụng, sử dụng cho bộ phát dao siêu âm không dây cung cấp kèm theo. Có tay cầm pin, Thiết kế sử dụng đến ≥ 200 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.

Phòng mổ	266	Bộ phát dao siêu âm không dây	Cái	2	Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây Có thể tiệt khuẩn và sử dụng ≥ 150 lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Phòng mổ	267	Bộ sạc dao siêu âm không dây	Cái	2	Bộ sạc pin sử dụng nhiều lần, có khả năng sạc cùng lúc ≥ 4 pin Đèn hiển thị trạng thái sạc của từng pin riêng biệt. Tương thích với Pin dao siêu âm không dây cung cấp kèm theo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Phòng mổ	268	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	Cái	2,500	Clip được làm bằng Polymer không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray Có khóa Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô Có tối thiểu 02 cỡ trong các cỡ M, ML, L, XL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	269	Clip cầm máu titan	Cái	1,000	Clip kẹp mạch máu làm từ titan, thiết kế hình chữ V. Các cỡ S, M, ML, L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	270	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa các cỡ	Cái	500	Kẹp cầm máu dùng để cầm máu dạ dày, đại tràng, đánh dấu nội soi, đóng tổn thương đường tiêu hoá có kích thước nhỏ Đường kính ống ngoài 2,6mm-2.7mm. Phù hợp với ống soi có đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2,8mm. Độ dài ngàm: 7,5mm hoặc 9mm. Chiều dài làm việc: 1650mm hoặc ≥ 1950 mm. Tay cầm lắp sẵn, xoay được. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	271	Filter dùng cho máy hút dịch	Cái	38	Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện Hiệu quả lọc khuẩn: $\geq 99.9\%$. Tiệt trùng Tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	272	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	10,269	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene. Hiệu quả lọc khuẩn: $\geq 99.99\%$. Tiệt trùng Sử dụng được trên máy đo chức năng hô hấp Ally, máy thở GE tại bệnh viện Tiêu chuẩn ISO 13485
Phòng mổ	273	Filter lọc máy thở (Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng)	Cái	7,552	Filter lọc khuẩn 3 chức năng (Filter lọc khuẩn và làm ẩm). Hiệu quả lọc vi khuẩn, lọc vi rút $> 99,999\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	274	Quả lọc đầu vòi máy rửa tay	Hộp	80	Phin lọc cung cấp nước vô khuẩn tại đầu vòi. Tốc độ lọc yêu cầu ≥ 6 lít/phút (ở áp lực ≤ 3 bar), kiểu phun mưa. Thời gian lọc hiệu quả ≥ 30 ngày liên tục Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Phòng mổ	275	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	56,049	Chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước đường kính trong ≤ 1.0 mm, đường kính ngoài ≤ 2.0 mm. Chiều dài ≥ 140 cm. Đã tiệt trùng, không chứa chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Phòng mổ	276	Dây nối chịu áp lực	Cái	13,642	Dây nối sử dụng trong bơm tiêm thuốc cân quang, Có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, Đường kính trong 3mm Có khoá bấm chặn dòng trong trường hợp khẩn cấp và ngăn máu trào ngược. Độ dài của dây nối $\geq 75\text{cm}$. Áp lực $\geq 150\text{psi}$ Đã tiệt trùng, không gây sốt, không độc tố. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;
Phòng mổ	277	Dây thở oxy 2 nhánh	Cái	35,357	Dây thở oxy chất liệu PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu Ống dây dẫn chính có chiều dài $\geq 2000\text{mm}$ Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Phòng mổ	278	Dây hút dịch	Cái	12,040	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế. Đường kính ngoài ống: 7,7mm- 10,5mm. Đường kính trong ống: 5mm- 7,7mm. Chiều dài ống $\geq 1.8\text{m}$, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	279	Dây máy thở dùng 1 lần	Cái	100	Bộ dây máy thở một lần dùng cho người lớn dài $\geq 1.8\text{m}$, đường kính 22mm, gồm 2 bể nước, cút nối chữ Y có công trích khí lấy mẫu. Sử dụng được cho cả máy mê và máy thở. - Bộ dây làm từ vật liệu PE, không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Trở kháng đường thở vào/thở ra tại mức 60L/phút <1.8mbar, tại 30L/phút <0.5mbar, tại 15L/phút <0.2mbar; tại 5L/phút <0.1mbar, tại 2.5L/phút <0.1mbar. - Độ giãn nở tại 60mbar <2.5mL/mbar; tại 30mbar <2.6mL/mbar. - Mức độ hở khí tại 60mbar <50mL/phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Phòng mổ	280	Dây máy thở dùng 1 lần	Bộ	2,606	Bộ dây máy thở 2 nhánh dùng 1 lần. - Chất liệu: Nhựa PVC không độc hại. - Gồm tối thiểu: + 02 bể nước trong suốt, + 01 ống dạng sóng dài $\geq 1.6\text{m}$ + 01 dây nối dài $\geq 0.6\text{m}$ nối bình làm ấm + 01 cút khuỷu xoay được + 01 cút Y đường kính 22mm/15mm, có cổng Luer và nắp đậy. + 02 cút nối thẳng - Dây và đầu nối đạt tiêu chuẩn, tránh rò rỉ. - Các cỡ người lớn và trẻ em Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Phòng mổ	281	Dây máy thở Silicon người lớn	Bộ	30	Được làm bằng Silicon, Bộ bao gồm: 4 đoạn dây dài $\geq 60\text{cm}$, 02 bể nước, 01 đoạn dây dài $\geq 45\text{cm}$, 01 cút chữ Y, 02 cút thẳng 22M-22M. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	282	Dây máy thở Silicon trẻ em	Bộ	13	<p>Được làm bằng Silicon, Bộ bao gồm: 4 đoạn dây dài $\geq 60\text{cm}$, 02 bẫy nước, 01 đoạn dây dài $\geq 45\text{ cm}$, 01 cút chữ Y, 02 cút thẳng 15M-22M. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	283	Bộ dây máy thở dùng 1 lần có cảm biến nhiệt	Cái	30	<p>Bộ dây thở 2 nhánh, trẻ lớn và người lớn, kèm bình làm ấm, dùng 1 lần (dùng cho máy thở 2 nhánh) A. Tính năng của bộ dây thở: - Chiều dài nhánh thở vào và nhánh thở ra $\geq 1.6\text{m}$. - Nhánh thở vào tích hợp dây gia nhiệt, làm từ vật liệu hạn chế dòng nước. - Nhánh thở ra tích hợp dây gia nhiệt, cho phép khí ấm khuếch tán ra khỏi thành ống thở. - Bộ dây thở dùng cho một bệnh nhân trong ≥ 14 ngày. B. Tính năng của Bình làm ấm ẩm (đóng gói cùng bộ dây thở): - Tự làm đầy nước vào bình, có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép - Thể tích nén: $\geq 280\text{ml}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA - Tương thích với máy làm ấm ẩm MR850 của hãng Fisher & Paykel</p>
Phòng mổ	284	Sâu máy thở (Ống nối dây máy thở)	Cái	329	<p>Chất liệu bằng nhựa PVC - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Đường kính đầu nối trên: Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm - Đường kính đầu nối dưới 15mm - Được tiệt trùng bằng khí EO - Kích thước: Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ - Cổng lấy khí có nắp đậy cố định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	285	Đầu nối nội khí quản - máy thở (sâu máy thở)	Cái	1,200	<p>Chất liệu: Nhựa y tế - Co nối xoay 360 độ, có cổng hút dịch và lấy mẫu khí có nắp đậy kép. - Chiều dài ống $\geq 15\text{cm}$ - Co nối kết nối ống nội khí quản 15F/22M - Co nối kết nối dây thở 22F - Dùng 1 lần, tiệt trùng bằng EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Phòng mổ	286	Dây cố định Mask	Cái	25	<p>Dây đeo đầu silicone để cố định mặt nạ gây mê trên mặt bệnh nhân trong quá trình hồi sức. Gồm bốn dây có các lỗ để cố định chặt trên bệnh nhân có kích thước khác nhau. Có hai kích thước người lớn và trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Phòng mổ	287	Ống nối oxy (Oxygen connecting tube)	Cái	449	<p>Chất liệu PVC y tế, chiều dài $\geq 2.000\text{mm}(\pm 5\%)$ Không DEHP, trơn láng, không gây tổn thương, không gây kích ứng. Đóng gói: 1 dây/túi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>

Phòng mổ	288	Dây nối oxy vào bóng Ambu	cái	50	<p>Chất liệu PVC y tế, chiều dài $\geq 2.000\text{mm}(\pm 5\%)$</p> <p>Hai đầu dây được gắn phễu.</p> <p>Không DEHP, trơn láng, không gây tổn thương, không gây kích ứng.</p> <p>Đóng gói: 1 dây/túi</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Phòng mổ	289	Dẫn lưu kín áp lực âm loại 400ml	Cái	1,803	<p>Bao gồm: Bình áp lực 3 lò xo dung tích $\geq 400\text{ml}$, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar các cỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng 2 lớp. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	290	Dẫn lưu kín áp lực âm loại 200ml	Cái	3,423	<p>Bao gồm:</p> <p>Bình áp lực 3 lò xo dung tích $\geq 200\text{ml}$, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar các cỡ.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng 2 lớp</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Phòng mổ	291	Bộ dẫn lưu ngực ba buồng	cái	725	<p>Hệ thống dẫn lưu ngực kín nước, sử dụng một lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm ba buồng [buồng kín nước (1), buồng điều khiển hút (2), và buồng chứa dịch (3) với thể tích chứa dịch $\geq 2500\text{ml}$. - Bình dẫn lưu có móc treo giường và giá đứng sàn. - Có van giải áp lực âm và dương - Tiệt trùng <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Phòng mổ	292	Băng gạc băng vết thương, vết bỏng, loét tỉ đè các cỡ	Miếng	300	<p>Bao gồm: Băng xốp Polyurethane ≥ 3 lớp, dày $\geq 5\text{mm}$, thấm hút dịch tiệt, duy trì độ ẩm cho vết thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu băng tối đa ≥ 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm}$ - Tiệt trùng từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	293	Miếng dán vô trùng phẫu thuật, phủ Iod	Miếng	317	<p>Chất liệu: Lớp film Polyester hoặc tương đương phủ Iodophor kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước lớp dính $\geq (35 \times 35)$ cm - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	294	Miếng dán vô trùng phẫu thuật, phủ Iod	Miếng	2,720	<p>Chất liệu: Lớp film Polyester hoặc tương đương phủ Iodophor kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước lớp dính $\geq (55 \times 45)$ cm - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	295	Miếng dán vô trùng phẫu thuật cỡ 28cm x 45cm	Miếng	300	<p>Kích thước vùng dính $\geq (28 \times 45)\text{cm}$.</p> <p>Film polyurethane trong suốt, keo dính acrylic.</p> <p>Sản phẩm mềm dai, bám chắc vết thương giữ cho đường mổ không bung rách trong quá trình phẫu thuật, giữ phẫu trường vô trùng.</p> <p>Băng dán có 2 tay cầm bên 2 mép để hỗ trợ đặt băng dễ dàng.</p> <p>Đóng gói từng miếng và vô trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>

Phòng mổ	296	Băng Hydrocolloid film 10cm x 10 cm	Miếng	350	Băng hydrocolloid - Cấu tạo là phức hợp hydrocolloid (gồm sodium carboxymethylcellulose, gelatin và pectin), tráng lớp film polyurethane trong suốt ngoài cùng. - Kích thước: 10 x 10cm, dày ≥ 0.2 mm - Đặc điểm: không dính, không thấm nước. - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến ≥ 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
Phòng mổ	297	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 6cm x 7cm	Miếng	2,100	- Cấu tạo: Màng polyurethane phủ keo acrylic, lớp gạc thấm hút phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone/ PE..) chống dính. - Kích thước: ≥ 6 cm x 7cm - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Băng bo tròn 4 góc - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	298	Băng gạc vô trùng trong suốt không thấm nước 9cm x 25cm	Miếng	5,754	Băng gạc y tế trong suốt có màng phim và lớp gạc thấm hút dịch sau mổ Kích thước: ≥ 9 cm x 25cm - Cấu tạo 3 lớp: lớp film polyurethane, lớp gạc và lớp keo acrylic - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	299	Gạc lưới có tẩm chất sát khuẩn các cỡ Bactigras	Miếng	1,000	Gạc lưới có tẩm chất sát khuẩn Bactigras hoặc trong đương, các cỡ - Kích thước ≥ 10 cm x 10cm - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Thời gian lưu lên tới ≥ 4 ngày - Vô trùng, đóng gói kín riêng từng miếng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	300	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước ≥ 10 x10cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Kích thước ≥ 10 cm x 10cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	301	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước ≥ 10 x20cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Kích thước ≥ 10 cm x 20cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	302	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước ≥ 20 x20cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Kích thước ≥ 20 cm x 20cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	303	Băng xốp polyurethane silver kháng khuẩn 3 lớp, dày 5mm, kích thước ≥ 10 x10cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$, silver nitrate $\geq 1\%$. Kích thước ≥ 10 cm x 10cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	304	Băng xốp polyurethane silver kháng khuẩn 3 lớp, dày 5mm, kích thước $\geq 20 \times 20$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$, silver nitrate $\geq 1\%$. Kích thước ≥ 20 cm x 20cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	305	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 2mm, kích thước $\geq 9 \times 15$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 2 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Kích thước ≥ 9 cm x 15cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	306	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5mm, kích thước $\geq 14 \times 14$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 5 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Kích thước ≥ 14 cm x 14cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	307	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước $\geq 10 \times 10$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 2 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Viên bám dính phủ silicone Kích thước ≥ 10 cm x 10cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	308	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước $\geq 9 \times 15$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 2 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Viên bám dính phủ silicone Kích thước ≥ 9 cm x 15cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	309	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2mm, kích thước $\geq 9 \times 25$ cm	Miếng	200	Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày ≥ 2 mm, chứa Sodium Alginate $\geq 0.9\%$ Viên bám dính phủ silicone Kích thước ≥ 9 cm x 25cm Lưu băng lên tới ≥ 7 ngày. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	310	Miếng xốp băng vết thương kháng khuẩn ≥ 12 cm x 12cm	Miếng	100	Gạc xốp dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester và polyolefin. - Tối thiểu 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane, + Lớp lưu trữ dịch, có đường cắt chữ Y giúp băng co giãn 360 + Lớp trải đều dịch + Lớp xốp + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: ≥ 12 cm x 12cm - Diện tích vùng thấm hút: ≥ 70 cm ² - Thời gian lưu băng khoảng ≥ 7 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	311	Bộ băng vết thương dạng bọt có công mềm cỡ nhỏ	Cái	300	Bộ tối thiểu gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới dạng mở kích thước khoảng $\geq 10 \times 7.5 \times 3.2$ cm, chất liệu Polyurethane; - 01 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	312	Bộ băng vết thương dạng bọt có công mềm cỡ trung bình	Cái	200	Bộ tối thiểu gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới dạng mở kích thước khoảng $\geq 18 \times 12.5 \times 3.2$ cm, chất liệu Polyurethane; - 01 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Cầm máu	313	Bone wax (sáp cầm máu xương)	Cái	153	Sáp cầm máu xương ≥ 2.5 g/miếng. Thành phần: sáp ong và isopropyl palmitate. Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Cầm máu	314	Miếng cầm máu mũi	Miếng	575	Miếng cầm máu mũi Kích thước ≥ 8 cm x 1,5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Cầm máu	315	Xốp cầm máu	Cái	212	Miếng xốp cầm máu tự tiêu từ Gelatin, kích thước ≥ 7 cm x 5cm x 1cm Tốc độ cầm máu: ≤ 5 -10 phút; Hấp thu hoàn toàn trong ≤ 3 -4 tuần Khả năng thấm hút gấp ≥ 50 lần trọng lượng Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;
Phòng mổ	316	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng lưới, ≥ 10 cm x 20cm	Miếng	775	- Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng lưới - Kích thước $\geq 10 \times 20$ cm. - Hiệu quả cầm máu nhanh 1-2 phút - Thời gian hấp thụ từ 1-2 tuần - Có tác dụng diệt khuẩn đối với nhiều loại vi khuẩn Gram dương và Gram âm. - Mềm mại và phù hợp với mọi loại bề mặt giải phẫu. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	317	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp, ≥ 2 cm x 5cm	Miếng	400	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp - Kích thước ≥ 2 cm x 5cm. - Có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2-4). - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	318	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp, ≥ 5 cm x 10cm	Miếng	400	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp - Kích thước ≥ 5 cm x 10cm. - Có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2-4). - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	319	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm, $\geq 2\text{cm} \times 5\text{cm}$	Miếng	200	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm - Kích thước $\geq 2\text{cm} \times 5\text{cm}$. - Có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2-4). - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	320	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm, $5.1\text{cm} \times 10.2\text{cm}$	Miếng	200	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm - Kích thước $\geq 5\text{cm} \times 10\text{cm}$. - Có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2-4). - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	321	Gel hỗ trợ điều trị vết thương/ Intrasite gel	Óng	100	Gel hỗ trợ điều trị vết thương trầy xước, vết mổ sau phẫu thuật - Thành phần: muối natri axit hyaluronic 0,2% - Trọng lượng: $\geq 30\text{g}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	322	Gel chống dính dùng trong phẫu thuật	Hộp	60	Gel natri hyaluronate tiệt trùng được chứa sẵn trong bơm tiêm 5ml, hàm lượng $\geq 10\text{mg/ml}$. Tự tiêu trong vòng 7 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	323	Gel silicone mờ sẹo 15g	Tuýp	600	Thành phần: Gel silicone, chứa vitamin E 0.5% chống oxy hóa, phytosqualane dưỡng ẩm vùng sẹo. Quy cách: Tuýp $\geq 15\text{g}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	324	Gel che phủ bảo vệ vết thương	Tuýp	60	Tuýp chứa ion bạc alginate hoặc tương đương Vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	325	Gel làm mềm vết thương	Chai	40	Gel sát khuẩn và làm mềm vết thương, loại bỏ biofilm chứa polihexanide và betain Dung tích $\geq 30\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	326	Dung dịch xịt phòng ngừa loét do tì đè	Lọ	2,000	Thành phần gồm: Acid linoleic $\geq 60\%$, linolenic acid, vitamin E và hương hoa hồi tự nhiên. Dung tích $\geq 20\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	327	Dung dịch làm sạch vết thương	chai 350ml	40	Dung dịch trong suốt có chứa chất kháng khuẩn chất hoạt động bề mặt Betaine 0,1%, Polyaminopropyl Biguanide 0,1% (Polihexanide). Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	328	Gel kháng khuẩn điều trị vết thương	Tuýp	400	SurgiGel chứa silver nitrate $\geq 0.2\text{ mg/L}$ pH 5.5~8.0, Hàm lượng nước cao $\geq 80\%$ Có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Phòng mổ	329	Miếng dán trị sẹo Silicone	Miếng	100	Miếng dán trị sẹo silicone, cỡ $\geq 10 \times 18$ cm - Miếng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sẹo lồi, sẹo phì đại. - Thành phần: Polyacrylate, Polyurethane, Silicone, Viscose - Cấu tạo: + Lớp chống thấm nước (Polyurethane film và sợi không dệt Viscose) + Lớp dính silicone - Không thấm nước - Tiệt khuẩn - Thời gian lưu băng: trên 7-14 ngày - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	330	Miếng dán silicone mờ sẹo 3.5cm x 15cm x 0.1cm	Miếng	400	Miếng dán 100% silicone y tế tự dính Công dụng: làm mờ và phẳng các vết sẹo lồi, sẹo phì đại và ngăn ngừa hình thành sẹo mới sau chấn thương, phẫu thuật. Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu vết thương/vết sẹo Có thể rửa và tái sử dụng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	331	Tấm dán hạ thân nhiệt dùng cho bệnh nhân từ 16-100kg	Cái	18	- Tấm dán gồm có ≥ 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: ≥ 5 ngày, lên đến ≥ 120 giờ/1 miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	332	Dung dịch bảo quản tạng Custodiol 1000ml hoặc tương đương	Chai	20	Dung dịch dùng cho tưới máu, bảo vệ, bảo quản và lưu trữ nội tạng phục vụ cấy ghép, phẫu thuật. Dung dịch được sử dụng trong bảo quản và lưu trữ các cơ quan để ghép với các đoạn tĩnh mạch, động mạch(thận...) Thành phần trong 1.000 ml dung dịch chứa: ≤ 28.0 g histidine, $\geq 0,4$ g tryptophane, $\geq 0,17$ g potassium hydrogen 2-ketoglutarate, độ thẩm thấu ≤ 300 mosmol/kg - Quy cách: ≥ 1000 ml/Túi - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	333	Túi bảo vệ thành vết mổ các cỡ	cái	330	Túi bảo vệ vết mổ chất liệu Polyurethane - Hai vòng cao su trên dưới - các cỡ cho vết rạch từ 2.5-6cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	334	Dây cưa sọ não	Cái	13	Được làm bằng thép không gỉ. - Dây quấn sắc, mảnh, xoắn lại, có thể uốn cong dài 40-50cm - Công dụng: sử dụng trong thủ thuật cưa cắt xương, phẫu thuật sọ não. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Phòng mổ	335	Lắc mạch máu	cái	150	Gồm các dây làm bằng silicon, được sử dụng để tách đánh dấu và vòng các cơ quan, mạch máu, gân và dây thần kinh. Kích thước $\emptyset 2.5$, $\emptyset 2.0$ mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	336	Trocar dùng 1 lần cho phẫu thuật nội soi các cỡ	Cái	50	Trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi Đường kính 12mm Dài ≥ 95 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Phòng mổ	337	Bẫy nước	cái	100	Loại bẫy nước đo ETCO ₂ dùng cho máy gây mê Hãng Draeger(Fabius/ Primus/ Atlan/ Perseus) hoặc tương đương

HSTC	338	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Cái	250	Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy. Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO. Cảm biến áp lực trong suốt dễ dàng kiểm tra. Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS hoặc tương đương. Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s). Chiều dài dây đo huyết áp dài 150cm. Tiệt trùng bằng Ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Nhà thầu cam kết cho mượn máy khi trúng thầu vật tư.
HSTC	339	Bộ đo chức năng hô hấp cho bệnh nhân	Cái	550	Bộ kit đo phế dung dùng một lần cho bệnh nhân - Nhịp thở (Respiration rate): 4 – 35 nhịp/phút. - Thể tích khí lưu thông (Tidal volume): 150 – 2000 ml. - Chiều dài: 2 m / 7 ft. - Tương thích với các mô-đun đo dinh dưỡng của máy thở GE
HSTC	340	Bẫy nước dùng cho modul khí của máy thở GE tại bệnh viện	Cái	360	"Chất liệu: Nhựa, không chứa Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Cadmium (Cd) và Crom hóa trị VI (Cr (VI)) Không sử dụng nhựa cao su latec Tuân thủ RoHS Tương thích với module E-sCAiO của hãng GE Healthcare"
HSTC	341	Đầu phun khí dung và Adapter chữ T kết nối với bầu phun khí dung:	Cái	204	1 bộ gồm: -'Đầu phun khí dung: Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện -'Adapter chữ T kết nối với bầu phun khí dung: đường kính kết nối với dây thở 22mm/15mm/10mm Tương thích với hệ thống dây thở máy GE (R860), Medtronic (Bennett) tại bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
HSTC	342	Gọng thở HFNC qua mũi khí quản	cái	20	- Ống dây làm từ vật liệu giúp hơi nước khuếch tán ra bên ngoài môi trường, tránh đọng nước. - Dây đeo cổ tránh tuột. - Lưu lượng dòng tối đa ≥ 60 lít/ phút tùy cỡ - Tích hợp nắp chặn bắn đờm. - Xuất xứ: các nước thuộc khối OECD
HSTC	343	Gọng mũi HFNC bất đối xứng người lớn các cỡ	Cái	20	"- Có ít nhất 3 size để phù hợp kích thước mũi bệnh nhân. Tốc độ dòng tối đa ≥ 50 lít/ phút tùy cỡ - Ống cannula làm từ vật liệu giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước - Có kẹp cố định dây cannula với dây cố định quanh đầu - Thiết kế với hai đường kính gọng mũi có kích thước khác nhau, giúp giảm khoảng chết, công thở, độ ồn, tăng áp lực - Dây cố định quanh đầu dạng hình ống có thể điều chỉnh độ dài - Thời hạn sử dụng tối đa ≥ 14 ngày - Xuất xứ: các nước thuộc khối OECD"
HSTC	344	Bình làm ấm khí thở dùng cho máy thở	chiếc	25	- Bình làm ấm khí thở dùng cho máy thở các cỡ - Loại sử dụng nhiều lần, có thể hấp tiệt trùng được. - Tương thích với các máy làm ấm Shinball tại bệnh viện

Chăm sóc	345	Bơm tiêm 1ml	Cái	137,161	<p>Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa PP y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét. Đốc xi lanh nhỏ lắp vừa các cỡ kim.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim bằng nhựa PP. Kim các số 26Gx1/2", 25Gx1", 25Gx5/8"; theo yêu cầu.</p> <p>- Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không độc, không chất gây sốt, không DEHP.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	346	Bơm tiêm 5ml	Cái	782,440	<p>Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét..</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP. Thân kim nhẵn, tròn đều, được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Nắp chụp kim kín bảo vệ đầu kim tốt, chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế.</p> <p>- Kim các số: 25Gx1"; 25G x 5/8"; 23Gx1".</p> <p>- Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không độc, không chất gây sốt, không DEHP</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	347	Bơm tiêm 10ml	Cái	823,619	<p>Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa Polypropylen (PP) y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim bằng nhựa PP, kín bảo vệ đầu kim tốt. Kim các số 23Gx1", 25Gx1".- Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không độc, không chất gây sốt, không DEHP. Tương thích với máy bơm tiêm điện Terumo, B.Braun, Codan Argus, Top, Progetti... của bệnh viện.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam</p>

Chăm sóc	348	Bơm tiêm 20ml	Cái	214,829	<p>Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không độc, không chất gây sốt, không DEHP. <p>Tương thích với máy bơm tiêm điện Terumo, B.Braun, Codan Argus, Top, Progetti... của bệnh viện.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	349	Bơm tiêm 50ml	Cái	104,864	<p>- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khóa bé gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không độc, không chất gây sốt, không DEHP. <p>Tương thích với máy bơm tiêm điện Terumo, B.Braun, Codan Argus, Top, Progetti... của bệnh viện.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	350	Bơm ăn 50ml	Cái	10,514	<p>- Bơm cho ăn 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	351	Kim lấy máu, lấy thuốc	Cái	859,912	<p>Kim các số 18G, 20G, 23G. Kim cấu tạo từ thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, có nắp đậy bảo vệ. VI dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO. Không gây sốt, không độc tố.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	352	Kim cánh bướm	Cái	156,447	<p>Bộ kim 2 cánh bướm. Có các số 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, đường kính trong ≥ 1.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	353	Bơm tiêm tiểu đường (nắp đỏ)	Cái	825	<p>Bơm tiêm insulin 100UI/ 1ml. Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng. Đốc kim được đúc liền với vỏ xylanh, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. cỡ kim 30G,31G. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Không chứa chất DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>

Chăm sóc	354	Kim y tế dùng trong thăm mỹ cỡ 34G x 4mm	Cái	725	<p>Kích cỡ kim 34G</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài kim 4mm - Kim được làm từ thép không gỉ <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Chăm sóc	355	Dây truyền dịch	Bộ	346,741	<p>Dây dẫn: Dài ≥ 1550mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng.</p> <p>Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết.</p> <p>Không độc tố, không gây sốt, không DEHP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận điều chỉnh dòng chảy: Nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn. - Đầu nối kim: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). - Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS hoặc nhựa nguyên sinh khác đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Bầu đếm giọt có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. - Có đủ loại có vị trí tiêm kiểu chữ Y và thẳng làm bằng mù cao su - Kim: 21G-23G - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA. Xuất xứ: Việt Nam</p>
Chăm sóc	356	Dây truyền máu	Bộ	5,970	<p>Ông dây chất liệu PVC.</p> <p>Chiều dài dây: ≥ 150cm, có khóa</p> <p>Màng lọc 200 micron</p> <p>Kim thép không gỉ, size: 18G x 1 1/2"</p> <p>Đã tiệt trùng.</p> <p>Không độc hại, không chứa chất gây sốt, không chứa DEHP, không chứa latex</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>
Chăm sóc	357	Kim luồn tĩnh mạch	Cái	93,072	<p>Kim luồn tĩnh mạch không có cánh. Chất liệu Catheter: ETFE (Ethylene Tetra Flour Ethylene), có chứa chất cản quang, lưu Catheter được ≥ 72h</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu các cỡ: + 14G (độ dài catheter 65mm $\pm 5\%$), + 16G (độ dài catheter 50mm $\pm 5\%$), + 18G (độ dài catheter 50mm $\pm 5\%$), + 20G (độ dài catheter 50mm $\pm 5\%$), + 22G (độ dài catheter 25mm $\pm 5\%$), + 24G (độ dài catheter 20mm $\pm 5\%$). <p>Tốc độ dòng chảy đối với các kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cỡ 14G ≤ 300ml/phút + Cỡ 16G ≤ 190ml/phút + Cỡ 18G ≤ 90ml/phút + Cỡ 20G ≤ 55ml/phút + Cỡ 22G ≤ 35ml/phút + Cỡ 24G ≤ 15ml/phút. <p>Tiệt trùng, đóng gói đơn chiếc</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>

Chăm sóc	358	Kim luồn tĩnh mạch có cánh	Cái	36,448	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa. Có tối thiểu các số: 16G, 18G, 20G, 22G, 24G. Catheter làm từ FEP hoặc PTFE, lưu kim ≥ 72 giờ. Cửa tiêm thuốc có van silicon một chiều. Kim vát 3 mặt, được làm từ thép không gỉ, phủ 1 lớp silicon. Chuôi kim trong suốt, dễ dàng cho việc quan sát. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	359	Kim chọc dò, gây tê tủy sống các cỡ	Cái	6,615	- Kim thông và ống thông làm từ thép không gỉ. - Đốc kim trong dễ dàng phát hiện dịch não tủy chảy ra. - Tiệt trùng: Ethylene oxide. - Không chứa các thành phần gây hại như PVC, latex, phthalates. - Chiều dài 90mm. Đủ các cỡ: 18, 20, 22, 23, 25, 26, 27G - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	360	Kim chọc dò gây tê đám rối thần kinh	Cái	750	Kim G21 dài 100mm, Kim G22 dài 50mm. - Có vạch đánh dấu mỗi 1cm trên thân kim giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân, có đánh dấu 1 vòng tròn tại 5cm và 2 vòng tròn tại 10cm, mặt vát kim 30°. - Thân kim phủ 1 lớp pha lê trong suốt giúp lướt nhẹ nhàng qua các lớp mô. - Có dây nối bơm thuốc - Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	361	Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em, sơ sinh	Cái	5,455	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo - Kim cỡ 24G - Đầu kim 3 mặt vát - Catheter nhựa có đường cán quang ngầm, chất liệu FEP-teflon hoặc tương đương, Đường kính: 0.7mm (sai số $\leq \pm 5\%$), độ dài: 19mm (sai số $\leq \pm 5\%$) - Cơ chế trào máu 2 lần - Màng kỵ nước chống máu tràn khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy ≥ 22 ml/ phút - Thể tích mỗi: ≤ 0.084 ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	362	Kim chọc dò, gây tê tủy sống Spinocan hoặc tương đương	Cái	270	Kim gây tê tủy sống có 3 mặt vát sắc. Đủ các kích cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G Tiệt trùng EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	363	Kim chọc hút tủy xương	Cái	752	Có tối thiểu 03 kích thước trong khoảng 14-18G. Chiều dài: 25-55cm. Có thể điều chỉnh được độ dài kim Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	364	Kim sinh thiết và chọc hút tủy xương	Cái	253	Kim sinh thiết và chọc hút tủy xương có băng tay cầm hình chữ T. Thân kim có vạch chia (mỗi vạch 1cm), đường kính có các cỡ: 8G, 11G, 13G, chiều dài 65-150mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Chăm sóc	365	Kim sinh thiết mô mềm Starcut có kim dẫn đường, các cỡ	Cái	440	Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Tay cầm bằng nhựa. Thân kim bằng thép không gỉ, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch 1cm). Kim có kênh hút dịch (tùy chọn). Có 2 nắp cho chức năng lấy mẫu: 11mm và 22mm. Đường kính kim: 14/16/18/20G. Chiều dài kim: 90/130/160/220mm. Đóng gói tiệt trùng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	366	Kim chọc hút sinh thiết mô mềm (liền súng)	Cái	20	Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Tay cầm bằng nhựa. Thân kim bằng thép không gỉ, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch 1cm). Kim có kênh hút dịch (tùy chọn). Có 2 nắp cho chức năng lấy mẫu: 11mm và 22mm. Đường kính kim: 14/16/18/20G. Chiều dài kim: 90/130/160/220mm. Đóng gói tiệt trùng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016.
Chăm sóc	367	Thiết bị định vị mô vú đi cùng kim sinh thiết hút chân không	cái	20	Thiết bị định vị mô vú - Chất liệu: chứa 3 miếng đệm polyglycolic acid (PGA) có thể tái hấp thụ sau 12 tuần. - Tấm đệm trung tâm có dây kim loại làm từ Titanium hoặc tương đương và 1 viên dây làm từ polyethylene glycol (PEG). - Tiệt khuẩn - Tương thích máy: Máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
Chăm sóc	368	Kim sinh thiết màng phổi dùng nhiều lần	Cái	7	Kim được làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kim bao gồm: Troca, kim chọc, kim sinh thiết, que thông. Kích thước 11G, chiều dài: 75mm
Chăm sóc	369	Kim sinh thiết tự động kèm kim đồng trục	cái	4	Kim sinh thiết tự động kèm kim đồng trục Được thiết kế để lấy mẫu từ nhiều loại mô mềm như gan, thận, phổi, vú, tuyến bạch huyết, tuyến tiền liệt,... - Cho phép lựa chọn độ dài mẫu 11-13mm hoặc 19-22mm - Có các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G - Kèm 01 kim đồng trục tương ứng có vạch chia độ sâu - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	370	Catheter dẫn lưu màng phổi cỡ 10F	Cái	30	Bao gồm: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt, Troca bằng thép không gỉ dài 8-10cm, cỡ 10Fr. Có 1 lỗ ở đầu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	371	Kim sinh thiết mô mềm	Hộp	2	Làm từ thép không gỉ 304, polycarbonate, Mobay Makrolon 2508, Polyethylene trọng lượng nhẹ, Polypropylene Homopolymer. Kim sinh thiết tự động. Có đường kính: 12G, 14G, 16G, 18G, 20G, Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm. Chiều dài mô cắt mẫu 19mm. Độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm có thể điều chỉnh. Kim dùng được trên mô có vi vôi hoá, có thể bơm thuốc tê qua đầu kim sinh thiết.

Chăm sóc	372	Bộ hút đờm kín	Cái	3,973	Bộ hút đờm kín sử dụng 72h với van rửa tự động. Bộ bao gồm: - Có 2 van: 1 van chân không (Vacuum Valve) tự động súc rửa và 1 van một chiều - Catheter nguyên liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút $\geq 55\text{kPa}$ (412mmHg) - Vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín - Có 1 ống nối nội khí quản và 1 nắp đậy 2 trong 1 đi kèm, - Mã hóa màu theo các cỡ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	373	Bộ lấy đờm nhót làm mẫu xét nghiệm	Cái	4,969	* Vật liệu PVC y tế cao cấp, không latex, không DEHP * Cấu tạo: 2 dây với 1 dây hút chính có van kiểm soát, 3 lỗ hút (2 lỗ bên) giúp hút nhanh hơn và chống tắc nghẽn, dễ kết nối với bơm hút. * Lọ đựng mẫu có vạch chia thể tích, có thêm nắp vận để đóng lại sau khi hút, đảm bảo mẫu an toàn. * Lọ đựng 25ml, Chiều dài dây hút dịch cho người lớn 12FG, 14FGx 55cm và trẻ em 6FG, 8FG, 10FG x 32cm. Chiều dài dây nối 47cm * Có cả loại 14F chuyên dụng trong nội soi.
Chăm sóc	374	Vòng tay định dạng bệnh nhân (dùng máy in)	Cuộn	666	Chất liệu: vật liệu nhiệt tổng hợp Kiểu in: in trực tiếp Màu sắc: hồng hoặc xanh 100 vòng/cuộn Sử dụng cho máy in vòng đeo tay bệnh viện đang dùng hoặc kèm đặt máy in
Chăm sóc	375	Vòng đeo tay mẹ và bé	Cặp	5,108	Công dụng: Ghi lại thông tin nhận dạng quan trọng của bệnh nhân, buộc vào cổ tay bệnh nhân, theo dõi 24/24 đảm bảo nhận dạng bệnh nhân nhanh chóng và chính xác mọi lúc Chất liệu: PVC Màu sắc: xanh dương, hồng, trắng, màu khác tùy chọn Kiểu dáng: keo dán, viết lên, thẻ chèn, trẻ sơ sinh Dùng cho: Người lớn & Trẻ sơ sinh Kích thước: Người lớn: 242*25mm, Trẻ em 172*25 mm
Chăm sóc	376	Vòng đeo tay người bệnh	Cái	37,240	Công dụng: Ghi lại thông tin nhận dạng quan trọng của bệnh nhân, buộc vào cổ tay bệnh nhân, theo dõi 24/24 đảm bảo nhận dạng bệnh nhân nhanh chóng và chính xác mọi lúc Chất liệu: PVC Màu sắc: xanh dương, hồng, trắng, màu khác tùy chọn Kiểu dáng: keo dán, viết lên, thẻ chèn, trẻ sơ sinh Dùng cho: Người lớn & Trẻ sơ sinh Kích thước: Người lớn: 242*25mm, Trẻ em 172*25 mm
Chăm sóc	377	Tăm bông mềm lấy dịch tỵ hầu	Cái	8,807	Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocked, Chiều dài 155mm \pm 5, có khắc bé. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để lấy dịch tỵ hầu trong các xét nghiệm tìm virus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	378	Tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Cái	16,844	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm \pm 5. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác. Tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	379	Cồn 70 độ	Lít	49,747	Dung dịch trong, không vẩn đục. Dùng trong y tế. Nồng độ Ethanol 70%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng trong chai hoặc can 1-5 lít

Chăm sóc	380	Cồn tuyệt đối	Lít	1,279	Hàm lượng Ethanol $\geq 99,6\%$. Dung dịch trong, không màu, có mùi cồn đặc trưng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng trong chai nhựa kín 500-1000ml.
Chăm sóc	381	Cồn Methanol tuyệt đối (AR)	Chai 500ml L	220	Hoá chất tinh khiết dùng trong phòng thí nghiệm Tiêu chuẩn: AR Độ tinh khiết: $\geq 99,5\%$ Quy cách: chai ≥ 500 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	382	Dầu parafin	ml	28,857	Chất lỏng dưới dạng dầu, không màu, trong suốt, không mùi. Chai ≥ 500 ml
Chăm sóc	383	Dầu Parafin	Ống	8,409	Chất lỏng dưới dạng dầu, không màu, trong suốt. Đóng trong ống hàn kín, vô khuẩn. Đóng gói ≥ 5 ml/ống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	384	Dây garo cao su	Cái	3,055	Chất liệu cao su. Kích thước: Chiều rộng ≥ 9 cm; Chiều dài ≥ 100 cm
Chăm sóc	385	Dây garo có đinh	Cái	2,054	Sản phẩm được làm bằng thun co giãn tốt. Có băng gai đinh 2 đầu hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.
Chăm sóc	386	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chai	1,001	Dung dịch rửa tay phẫu thuật: Diệt vi khuẩn, nấm. Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	387	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	7,903	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh, chai 500ml Thành phần: Ethanol, Isopropyl alcohol (Isopropanol). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	388	Găng khám	Đôi	1,112,928	Găng tay cao su tự nhiên, có bột, Có các cỡ S, M. Độ dày (mm): Lòng bàn tay: $\geq 0,08$ mm. Đầu ngón tay: $\geq 0,08$ mm. Lực kéo đứt trước lão hóa: min 18MPa hoặc $\geq 7,0$ N. Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa min 650%. Hàm lượng bột ≤ 10 mg/dm ² . AQL $\leq 1,5$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	389	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	127,604	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Chiều rộng 0,15-20mm, Chiều dài 280mm ± 5 , Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6.5: 83 ± 5 mm, Size 7: 89 ± 5 mm, Size 7.5: 95 ± 5 mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: $\geq 12,5$ N, Sau lão hóa: $\geq 9,5$ N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: $\geq 700\%$, Sau lão hóa: $\geq 550\%$. Lượng bột: ≤ 80 mg/đôi. Mức độ nhiễm tĩnh điện < 100V. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tia Gamma. Phân biệt găng tay trái, phải. AQL $\leq 1,5$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

Chăm sóc	390	Găng kiểm tra dùng trong y tế (không bột)	Đôi	92,363	Sản xuất từ cao su thiên nhiên hoặc nhân tạo Loại không bột Kích thước - Chiều dài: $\geq 220\text{mm}$ - Độ dày $\geq 0.08\text{mm}$ - Chiều rộng lòng bàn tay: có tối thiểu các Size 6: $82 \pm 5\text{mm}$. Size 6.5: $83 \pm 5\text{mm}$. Size 7.0: $89 \pm 5\text{mm}$; Size 7.5: $95 \pm 5\text{mm}$; Size 8.0: $102 \pm 6\text{mm}$ - AQL ≤ 1.5 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	391	Găng tay dài kiểm soát tử cung	Đôi	385	Sản xuất từ cao su thiên nhiên Có phủ bột chống dính. Dài $\geq 450\text{mm}$. Phân biệt tay trái, tay phải. Đã tiệt trùng. AQL ≤ 1.5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	392	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em	Cái	308	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em dùng nhiều lần Dùng cho người lớn • Mặt nạ thở người lớn • Bóng bóp bằng Silicon thể tích $\geq 1600\text{ml}$ • Túi chứa khí 2700ml • Van giảm áp an toàn • Dây Oxy dài 2m Dùng cho trẻ em • Mặt nạ thở trẻ em • Bóng bóp bằng Silicon thể tích $\geq 550\text{ml}$ • Túi chứa khí 2700ml • Van giảm áp an toàn • Dây Oxy dài 2m Dùng cho trẻ sơ sinh • Mặt nạ thở sơ sinh • Bóng bóp bằng Silicon thể tích $\geq 280\text{ml}$ • Túi chứa khí 1000ml • Hộp đựng bằng giấy Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	393	Bóng ambu có van PEEP	Cái	7	Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm: - Bóp bóng bằng silicon dùng cho người lớn: 01 cái - Mask silicon số 5: 01 cái - Túi oxy: 01 cái - Dây oxy: 01 cái - Airway 80, 90, 100mm: (mỗi số 01 cái) - Hộp đựng bằng giấy: 01 cái - Van PEEP: 01 cái Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	394	Bóng mềm silicon tập thở 3l	cái	8	Chất liệu silicone. Dung tích bóng 3000ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	395	Mask thở oxy	Cái	1,775	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC không chứa độc tố, màu trắng trong hoặc xanh lá. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$ - Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).. Tiêu chuẩn ISO 13485.

Chăm sóc	396	Mask khí dung	Cái	20,095	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC, màu trắng trong hoặc xanh lá - Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$ - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	397	Mask bóp bóng	Cái	185	<ul style="list-style-type: none"> Có các cỡ từ 0-5. Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	398	Mask thở oxy có túi	Cái	8,733	<ul style="list-style-type: none"> Được làm từ nhựa PVC y tế không mùi, nhẹ và thoải mái hơn, bao gồm mặt nạ, ống oxy, túi chứa và đầu nối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	399	Mask thở không xâm nhập	Cái	117	<ul style="list-style-type: none"> Mask dùng cho máy thở không xâm nhập các cỡ, sử dụng nhiều lần. Cấu tạo bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tấm tựa trán có thể điều chỉnh được giúp phù hợp với nhiều cấu trúc gương mặt khác nhau + Vành Silicon giúp bệnh nhân thoải mái khi đeo mask + Có lỗ thoát khí + Có van an toàn + Ống kết nối có thể xoay 360 độ giúp dễ thay đổi tư thế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	400	Khẩu trang giấy	Chiếc	255,711	<ul style="list-style-type: none"> Khẩu trang y tế ≥ 3 lớp vô trùng: 2 lớp ngoài vải không dệt, lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn. Đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	401	Mũ phẫu thuật	Cái	44,619	<ul style="list-style-type: none"> Vải không dệt. Đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	402	Khẩu trang vô khuẩn	Cái	2,425	<ul style="list-style-type: none"> Cấu tạo có 3 lớp: Hai lớp ngoài vải không dệt không hút nước. Lớp giữa: Giấy vi lọc thấu khí không thấm nước. Sản phẩm có thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại. Dây thun đeo tai mềm, đàn hồi tốt, Kích thước khẩu trang: Rộng 9cm x dài 17,5cm ($\pm 0,5$). Độ lọc khuẩn (%BFE) $\geq 98\%$. Lọc hạt bụi ($0,1\mu m$) PFE $\geq 98\%$. Đóng gói: 01 cái/Túi tiệt trùng dùng trong y tế, đã tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	403	Mũ vô khuẩn	Cái	4,900	<ul style="list-style-type: none"> Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sấu: Rộng 2,2-2,5cm dài 19-21cm. Đường kính kéo căng: 47,5-52cm ($\pm 1cm$) Đường kính ở trạng thái nghỉ: 15-20cm. Dây thun đôi gồm 2 sợi thun ôm sát vòng đầu. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế. Đóng gói 1 cái/túi đã tiệt trùng

Chăm sóc	404	Khẩu trang vô khuẩn dây buộc	Cái	2,875	Cấu tạo có 3 lớp: + Hai lớp ngoài: vải không dệt không hút nước. + Lớp giữa: Giấy vi lọc thấu khí không thấm nước Sản phẩm có thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại. Dây buộc làm từ vải không dệt. Kích thước khẩu trang: Rộng 9cm x Dài 17,5cm. (± 0.5) Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng 16,5cm. (± 0.5) Dây buộc 40cm (± 1) x 4 vị trí đính dây Nẹp mũi 10,5cm (± 5) Độ lọc khuẩn (%BFE) $\geq 99\%$; Lọc hạt bụi (0,1 μ m) PFE $\geq 98\%$, Đóng gói: 01 cái/túi tiệt trùng dùng trong y tế, đã tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	405	Sonde Foley 2 nhánh	Cái	15,683	Chất liệu cao su phù silicon. Cấu tạo 2 nhánh. Có các cỡ từ 12Fr đến 26Fr. Chiều dài 400mm (± 5 mm) Dung tích bóng chèn: 30ml. Tốc độ dòng chảy: ≥ 70 ml/phút (cỡ 12F-14F) Có chất bôi trơn, van mềm. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	406	Sonde dạ dày các số	Cái	7,835	Ống thông dạ dày các số Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	407	Sonde Foley 3 chạc	Cái	906	Chất liệu cao su phù silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Có các cỡ từ 12Fr đến 26Fr. Chiều dài 390mm (± 10 mm) Dung tích bóng chèn: 30ml. Tốc độ dòng chảy: ≥ 24 ml/phút (cỡ 16F-20F) Van cứng. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	408	Sonde dẫn lưu silicon các cỡ	Cái	1,294	Chiều dài 400mm ($\pm 5\%$) Đường kính bên trong ống: 5,0mm và 7,0mm. Đường kính bên ngoài ống: 7,0mm và 10,0mm. Đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	409	Sonde hậu môn các cỡ	Cái	1,572	Dây dẫn dài ≥ 400 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm, trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. - Các số: 22,24,26,28. - Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	410	Sonde hút nhớt các cỡ (có van kiểm soát)	Cái	106,038	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Chất liệu PVC y tế Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 50 cm. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có nắp. Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Chăm sóc	411	Sonde hút nhớt các cỡ (không van kiểm soát)	Cái	2,563	Chất liệu PVC y tế, không van kiểm soát Ống nhựa mềm dài $\geq 50\text{cm}$, đầu cuối ống trơn nhẵn có 2 lỗ không đối xứng. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc Có các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	412	Sonde Petze	Cái	38	Được làm từ cao su tự nhiên, phủ silicone Kích cỡ từ 12 Fr đến 32 Fr. Chiều dài ống: 400mm ($\pm 10\text{ mm}$). Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	413	Sonde chữ T	Cái	75	Làm bằng cao su tự nhiên, phủ Silicon. Được sử dụng để dẫn lưu đường mật Kích cỡ: Fr10-Fr26. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	414	Sonde JJ	Cái	1,352	Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu polyurethane hoặc tương đương, thiết kế 2 đầu cong, 2 lỗ mở, có vạch trên thân ống, có cảm quang (kháng tia bức xạ), có chỉ ở đầu xa. - Que đẩy phù hợp với ống thông - Các cỡ từ 3F đến 8F; - Tiệt trùng - Thời gian lưu ≥ 3 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	415	Catheter dạ dày (fortune gastrostomy catheter)	Cái	50	- Chất liệu: 100% silicone - Thời gian lưu ≥ 29 ngày - Đầu tù (thuôn) - Có đánh dấu độ sâu - Có đường cảm quang chạy dọc ống - Có nắp đậy - Đóng gói tiệt trùng - Có các cỡ từ 4Fr đến 20Fr - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	416	Sonde Nelaton	Cái	3,125	Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên mềm dẻo trong y tế, có màu đỏ, có phủ Silicon, tròn đều. Có thiết kế 1 nhánh. Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	417	Bộ rửa dạ dày	bộ	10	Hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín. Làm từ mù cao su tự nhiên. Được đóng gói và tiệt trùng riêng lẻ trong từng túi. Size: Nhỏ (22mm) và lớn (28mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	418	Bộ súc rửa bàng quang kín	cái	45	Là loại ống thông niệu đạo không bóng, đầu coude. - Loại Bazy, được làm từ Neoplex dài 40cm, có 05 mắt, size CH 24 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	419	Giấy in ảnh siêu âm	Cuộn	4,559	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony + Dung lượng: ≥ 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm \times 20 m + Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485

Chăm sóc	420	Giấy điện tim 6 cần	Tập	4,652	-Dạng tập - Kích thước 110mm * 140mm * ≥ 142 tờ, loại có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần hãng Nihon Koden, Fukuda. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Chăm sóc	421	Giấy in monitor sản khoa	Tập	2,933	Kích thước: 150mm x 100mm x ≥ 150 tờ, giấy có kẻ xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	422	Giấy in nhiệt 57mm	Cuộn	944	Kích thước: 57mm x 30mm, dùng cho máy in nhiệt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Chăm sóc	423	Giấy in máy monitor	Cuộn	32	Mã: FQW50-3-100; 50X100-300P hoặc tương đương
Chăm sóc	424	Khóa 3 chạc có dây nối	Cái	11,980	Làm bằng chất liệu Polycarbonate hoặc Polyethylene hoặc ABS dùng trong y tế kèm dây nối làm bằng PVC ≥ 10 cm, không gây độc, không gây sốt. Khóa xoay 360 độ. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Chăm sóc	425	Khóa 3 chạc có dây nối	cái	1,313	Khoá 3 ngã, dây dài đến 100cm. Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam
Chăm sóc	426	Khóa ba chạc không dây	Cái	28,813	Khóa 3 chạc loại không có dây nối chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền. - 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Khóa xoay 360 độ - Khí nén ≥ 0.6 kgf/15 giây hoặc chịu áp lực ≥ 4 bar - Tiệt trùng từng cái - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Dụng cụ	427	Thanh nâng ngực	Cái	63	Chất liệu: hợp kim thép dùng trong cấy ghép y tế. Đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ Chính giữa thanh có đánh dấu. Mép thanh cùn. Các kích cỡ từ 6 inch (15,2cm) đến 17 inch (43,2cm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Dụng cụ	428	Điện cực cắt đốt leep cổ tử cung	cái	20	Chất liệu Tungsten không gây độc, chiều dài ≥ 120 mm phủ nhựa Teflon chống dính Điện cực kết nối với cán dao được mạ thép không gỉ, chiều dài ≥ 13 mm
Linh kiện	429	Túi Camera bọc đầu dò siêu âm	Cái	125	Kích thước (180x230)mm ± 30 . Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Linh kiện	430	Túi nylon vô khuẩn	Cái	1,875	Kích thước túi $\geq (60 \times 90)$ cm ± 10 . Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Linh kiện	431	Túi camera	Cái	7,308	Sản phẩm được làm bằng nylon, có dây bằng cotton Kích thước: Túi nylon 9x14cm; Ống nylon 18x230cm; Dây buộc 2mm Được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Linh kiện	432	Túi chụp bóng đèn	Cái	2,000	Nguyên liệu: được làm từ cuộn nylon fi 110cm, màu trắng trong Kích thước 60cm x 90cm. Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.

Linh kiện	433	Bóng đèn cực tím	Cái	76	Dài 90cm-120cm; Nguồn điện: 220V/30-36W
Linh kiện	434	Bóng đèn gù	Cái	20	Bóng 24V/25W. Nguồn điện 220V/50Hz
Linh kiện	435	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	25	Điện áp: 220-240V, Công suất $\geq 250W$
Linh kiện	436	Bóng đèn nội khí quản	Cái	128	Điện áp: 2.5-2.7V; - Dòng điện: 0.7-0.8A - Đui xoáy
Linh kiện	437	Điện cực kim	Cái	125	Điện cực kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần 26G. Chiều dài trong khoảng 25-50mm. Đường kính 26G, diện tích ghi 0.07mm ² . Lớp phủ Silicone và siêu sắc với thiết kế 3 đầu nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	438	Điện cực đất	Cái	634	Điện cực đất loại dán Ag/AgCl. Đầu kết nối 1.5mm. Diện tích tiếp xúc $\geq (30 \times 40)$ mm, dài ≥ 0.8 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	439	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	994	Bàn chải bằng nhựa PVC màu trắng, lông bàn chải màu đen/trắng kích thước $\geq (4 \times 10)$ cm. Có thể sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	440	Điện cực tím	Cái	56,633	Hình tròn hoặc elip. Bề mặt tiếp xúc dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	441	Tấm điện cực trung tính trẻ em	Cái	267	Tấm điện cực trung tính cho trẻ nhỏ sử dụng một lần, chất liệu PolyHesive, dây nối dài 2.7m \pm 5cm, sử dụng cho trẻ em từ 2,72 - 13,6kg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	442	Tay dao điện	Cái	6,250	Tay dao điện dùng cho máy đốt điện, máy cắt đốt. Tay dao cắt đốt 2 nút bấm, 3 chấu, sử dụng 1 lần. Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Linh kiện	443	Racco nối dây máy hút (thăng, chữ Y)	Cái	570	Racco nối dây máy hút (thăng, chữ Y)
Linh kiện	444	Bút đánh dấu phẫu thuật vô trùng	Cái	156	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật. Loại hai đầu, ngòi lông 1.0mm và 0,5mm., dài 140mm, đường kính thân 11mm - Dùng đánh dấu vị trí mổ, mực màu tím than, mực không lem và không trôi. Lau sạch bằng cồn hoặc chất tẩy rửa - Kèm thước đo - Tiệt khuẩn từng cây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA -
Linh kiện	445	Dầu tra các khớp cử động	Chai	10	Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	446	Bình chứa dịch hút áp lực âm 300ml/500ml	Cái	300	Bình chứa dịch hút áp lực âm 300ml/500ml
Linh kiện	447	Kim sinh thiết tuyến tiền liệt	Cái	100	Chiều dài kim từ 150mm đến 200mm, Đường kính kim $\geq 20G$ Có vạch chia chiều dài để định vị dưới siêu âm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Linh kiện	448	Khung dẫn kim sinh thiết	Cái	4	Khung Dẫn Kim Sinh Thiết

KSNK	449	Giấy (gói) thử chất lượng tiệt khuẩn hơi nước	Gói	4,196	<ul style="list-style-type: none"> - Gói chỉ thị Bowie & Dick - Dùng cho lò hơi nước hút chân không trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lò hấp hàng ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
KSNK	450	Chỉ thị hóa học dùng cho máy plasma	Que	95,000	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chất lượng gói dụng cụ đối với các máy và chu trình tiệt khuẩn Hydrogen Peroxid - Giám sát độc lập ba thông số quan trọng: thời gian, nhiệt độ và nồng độ VH₂O₂ - Chỉ thị hóa học đa thông số, nhóm 4 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	451	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Cuộn	3,444	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước trong các quy trình tiệt khuẩn hơi nước từ 121°C-134°C - Vạch chỉ thị hóa chất sẽ đổi màu sau quá trình tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	452	Chỉ thị sinh học hơi nước	ống	1,196	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng nhanh chóng quá trình tiệt khuẩn hơi nước. - Cho kết quả trong ≤ 24 phút - Dùng kiểm tra chất lượng chu trình tiệt khuẩn lò chân không từ 132°C đến 135°C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	453	Chỉ thị sinh học plasma	ống	215	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng quá trình tiệt khuẩn bằng hydrogen peroxide. - Cho kết quả trong ≤ 30 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	454	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế	Que	135,000	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát: thời gian, nhiệt độ và hơi nước. - Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	455	Que thử kiểm tra chất lượng nước	Que	540	<ul style="list-style-type: none"> - Que đo mẫu sử dụng phát quang sinh học ATP để giám sát việc làm sạch bề mặt dụng cụ phẫu thuật. - Sử dụng cho máy đọc Clean Trace LX25 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	456	Băng keo chỉ thị hấp EO	Cuộn	20	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cuộn có ghi: mã hàng, tên công nghệ tiệt trùng, số lô, hạn sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	457	Chỉ thị hoá học đa thông số tiệt khuẩn EO	Que	10,000	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị hoá học đa thông số tiệt khuẩn EO - Que chỉ thị có thông tin: số lô, hạn sử dụng, mã QR - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	458	Chỉ thị sinh học EO	Ống	100	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc kết quả trong: ≤ 4 giờ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	459	Dung dịch rửa và khử nhiễm dụng cụ	Chai	812	<ul style="list-style-type: none"> - Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

KSNK	460	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Ortho- Phthalaldehyde	Lít	519	Thành phần: $\geq 0,55\%$ Ortho- Phthalaldehyde, pH=7-8, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao ≤ 5 phút. Diệt bào tử vi khuẩn ≤ 30 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày (kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	461	Dung dịch xịt khử khuẩn bề mặt và dụng cụ	Chai	732	Khử khuẩn nhanh các bề mặt. Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 13697. Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) Chai ≥ 1.000 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	462	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt	ml	96,415	Làm sạch khử khuẩn sàn nhà, bề mặt, tương thích tốt với các chất liệu bề mặt. Đạt tiêu chuẩn EN 16615 hoặc tương đương Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 hoặc EN 13727; EN 13624 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	463	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ acid peracetic	Lít	822	Thành phần: $\geq 60\%$ N-Acetylcaprolactam - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói can 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	464	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính đa enzyme	Lít	307	Dung dịch ngâm tẩy rửa da enzyme loại bỏ được biofilm. Thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase Là chất tẩy rửa có độ pH trung tính (pH = khoảng 6.8 đến 7.3) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
KSNK	465	Dung dịch tan gỉ vô cơ	Chai	25	Chai ≥ 500 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	466	Dung dịch bôi trơn và chống ăn mòn dụng cụ y tế	Chai	14	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	467	Javen (lít)	Lít	2,456	Nồng độ 10-12% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	468	Javen chai 500ml	Chai	427	Nồng độ 10-12% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	469	Cloramine B (túi 1kg)	Kg	955	Bột trắng mịn. Nồng độ Clo hoạt tính 25-27% Đạt tiêu chuẩn ISO 1384
KSNK	470	Viên sủi khử khuẩn	Viên	9,770	Thành phần tối thiểu gồm: Dichloroisocyanurate Viên nén diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng, có tác dụng với hầu hết các loại vi khuẩn sinh dưỡng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	471	Túi ép dùng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (10cmx70m)	Cuộn	130	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE 60 μ m. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H ₂ O ₂), FORM. Kích thước ≥ 100 mm x 70m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.

KSNK	472	Túi ép dẹp (20cmx200m)	Cuộn	156	Gồm 1 lớp giấy y tế và lớp film trong suốt PET/PP dày $\geq 52\mu\text{m}$. Sử dụng trong tiệt khuẩn bằng STEAM, EO, FORM. Kích thước $\geq 200\text{mm} \times 200\text{m}$. Tích hợp chỉ thị hóa học trên túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
KSNK	473	Túi ép dẹp (25cmx200m)	Cuộn	206	Gồm 1 lớp giấy y tế và lớp film trong suốt PET/PP dày $\geq 52\mu\text{m}$. Sử dụng trong tiệt khuẩn bằng STEAM, EO, FORM. Kích thước $\geq 250\text{mm} \times 200\text{m}$. Tích hợp chỉ thị hóa học trên túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	474	Túi ép dẹp dùng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (25cmx70m)	Cuộn	95	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE $60\mu\text{m}$. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H_2O_2), FORM. Kích thước $\geq 250\text{mm} \times 70\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	475	Túi ép dẹp dùng máy tiệt trùng nhiệt độ thấp (30cmx70m)	Cuộn	88	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE $60\mu\text{m}$. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H_2O_2), FORM. Kích thước $300\text{mm} \times 70\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	476	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (20cmx70m)	Cuộn	99	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE $60\mu\text{m}$. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H_2O_2), FORM. Kích thước $\geq 200\text{mm} \times 70\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	477	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (35cmx70m)	Cuộn	154	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE $60\mu\text{m}$. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H_2O_2), FORM. Kích thước $\geq 350\text{mm} \times 70\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	478	Túi ép dùng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (15cmx70m)	Cuộn	140	Gồm 1 lớp Tyvek chuẩn 2FS và 1 lớp Film PET/PE $60\mu\text{m}$. Dùng trong quy trình tiệt khuẩn bằng EO, Plasma (H_2O_2), FORM. Kích thước $\geq 150\text{mm} \times 70\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
KSNK	479	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (30cmx200m)	Cuộn	337	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Màng film hai lớp: PET/CPP dày $\geq 52\mu\text{m}$. Kích thước: $\geq 30\text{cm} \times 200\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
KSNK	480	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (15cmx200m)	Cuộn	288	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Màng film hai lớp: PET/CPP dày $\geq 52\mu\text{m}$. Kích thước $\geq 15\text{cm} \times 200\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
KSNK	481	Túi ép tiệt trùng Tyvek 350cm x 70m	Cuộn	116	Túi ép Tyvek tiệt trùng dạng cuộn cỡ 350cm x 70m Đạt tiêu chuẩn ISO13485
KSNK	482	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dùng cho máy Nocospay	Chai	279	Dung dịch phun sương khử khuẩn, Hoạt chất: Hydrogen peroxide và Ion Ag Hiệu quả diệt khuẩn: Vi khuẩn, nấm mốc: EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bào tử: EN 13704 Chai ≥ 1 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

KSNK	483	Peracetic acid 0,33% (khử khuẩn mức độ cao)	Hộp	340	<p>Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tái sử dụng trong vòng 14 ngày, có kèm test kiểm tra nồng độ acid peracetic</p> <p>Hiệu quả diệt khuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diệt khuẩn EN 14561 - Diệt nấm EN 14562 - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 - Diệt bào tử trong 5 phút theo EN 17126 (<i>Bacillus subtilis</i>, <i>Clostridium difficile</i>...) - Diệt virus EN 17111 (<i>Adenovirus</i>, <i>Norovirus</i>...) trong 5 phút <p>Can ≥ 5 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 6 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
KSNK	484	Hóa chất H ₂ O ₂	Lọ	389	<p>Thành phần: Chứa hydrogen 50%, dạng lỏng, tương thích với máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma Tuttbauer tại bệnh viện.</p> <p>Lọ ≥ 150ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
KSNK	485	Khí Oxirane (Ethylene oxide) dùng cho máy tiệt khuẩn	binh	624	<p>Bình khí chứa 100% EO, ≥ 170 gram.</p> <p>Sử dụng 1 bình/ mẻ.</p> <p>Trên sản phẩm có đầy đủ các thông tin về mã sản phẩm, số lô, hạn sử dụng và trọng lượng của bình được thể hiện trên vỏ thân bình</p> <p>Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn EO của hãng Shinva, 3M, Hanshin....</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
KSNK	486	Dung dịch làm sạch dụng cụ chứa 3 loại enzyme	Can	120	<p>Thành phần: tối thiểu chứa ≥3 loại enzyme, chất hoạt động bề mặt không ion.</p> <p>Dung dịch tẩy rửa chuyên dụng cho máy rửa tự động</p> <p>Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau</p> <p>Nồng độ sử dụng từ 0.2% -0.5%</p> <p>Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> theo tiêu chuẩn ISO 15883.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Ngoại	487	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y	Cái	25	<p>Mạch máu nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester, được ngâm tẩm với collagen.</p> <p>Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng.</p> <p>Gồm tối thiểu các cỡ đường kính 14mmx7mm, 16mmx8mm, 18mmx9mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Ngoại	488	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ (2x9)cm	cái	40	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch... - Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Độ dày 0,35mm-0,75mm. - Cỡ 2x9cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Ngoại	489	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ (4x6)cm	cái	40	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Độ dày 0,35mm-0,75mm. - Cỡ 4x 6cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Ngoại	490	Đoạn mạch nhân tạo thẳng (ePTFE)	Cái	125	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu ePTFE thành tiêu chuẩn. Chiều dài 80cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Ngoại	491	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 7-8mm x 50cm, không vòng xoắn	Cái	100	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 7-8mm x 50cm, không vòng xoắn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	492	Ống thông trong lọc máu cỡ 13F	Chiếc	6	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 13F Chiều dài: ≥250 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.038" x 900 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền, (1) nong mạch 13F x 150 mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	493	Bộ quả lọc máu liên tục đào thải CO2 màng ngoài cơ thể	Quả	6	Bộ trao đổi khí-máu để loại thải CO2 cho bệnh nhân từ 30kg trở lên: - Thời gian sử dụng tối đa: ≥72 giờ - Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	494	Bộ quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ nhỏ	Bộ	30	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 11 kg Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Lọc máu	495	Catheter cỡ 8 FG	Cái	15	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 8F Chiều dài: 150 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.035 x 700 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền, (1) nong mạch 8F x 150 mm, (1) gạc - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	496	Catheter cỡ 6,5 FG	Cái	18	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 6.5F Chiều dài: 75 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.028 x 500 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền, (1) nong mạch 7F x 150 mm, (1) gạc - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	497	Túi làm ấm máu cho máy làm ấm máu	Cái	65	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer Vô trùng, không có độc tố, không làm từ cao su tự nhiên. Có thể sử dụng tối đa ≥72 giờ. Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Lọc máu	498	Bộ quả lọc máu liên tục Oxiris	Bộ	409	Quả lọc kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg. - Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	499	Bộ quả lọc máu liên tục cho người lớn	Bộ	88	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg. - Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	500	Quả lọc huyết tương	Bộ	198	Chất liệu sợi lọc: Polypropylene. Diện tích màng hiệu dụng: $\geq 0.35m^2$ Thể tích máu của cả bộ quả lọc $\geq 125 ml \pm 10\%$ Thể tích máu trong quả lọc: $\geq 40 ml \pm 10\%$ Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	501	Bộ quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ sơ sinh và và nữ nhi	Bộ	30	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi với cân nặng $>8kg$ - Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	502	Túi đựng dịch thái	Cái	140	Được dùng để thu thập dịch thái trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn ($\varnothing 8 mm$) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: $\geq 5L$. Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc máu	503	Quả lọc hấp phụ sử dụng trong chống độc	cái	60	- Thể tích hấp phụ: $\geq 230mL$ - Vật liệu vỏ: Polypropylene hoặc Polycarbonate - Vật liệu hấp phụ: hạt resin - Lưu lượng máu $\geq 250mL/phút$ - Tương thích với máy Prismaflex tại Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Nội khí quản	504	Cây nòng đặt nội khí quản	Cái	4	* Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó Bougie đầu cong nhẹ * Bọc nhựa Polymer tổng hợp * Có các vạch chia đánh dấu mỗi cm từ 15/20cm đến 40cm trên thân ống * Kích cỡ: 15Fr/5.0mm. Chiều dài $\geq 700mm$. Dùng cho ống nội khí quản 6.0-11.0 * Tiệt khuẩn, không latex. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	505	Ống Cook (Cây đặt nội khí quản khó)	Cái	4	* Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó Bougie đầu cong nhẹ (Coudé angled tip) * Bọc nhựa Polymer tổng hợp * Có các vạch chia đánh dấu mỗi cm từ 15/20cm đến 40cm trên thân ống * Kích cỡ: 15Fr/5.0mm. Chiều dài $\geq 700mm$. Dùng cho ống nội khí quản 6.0-11.0 * Tiệt khuẩn, không latex. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.

Nội khí quản	506	Canuyn mở khí quản	Cái	575	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5.0 đến 9.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	507	Canuyn mayor	Cái	1,832	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	508	Ống nội khí quản	Cái	4,041	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	509	Ống nội khí quản có lò xo	Cái	64	Ống nội khí quản trong suốt bằng PVC, không chứa DEHP. Có Stylet đi kèm Ống có lò xo bằng thép không rỉ, chống gập, có cản quang hiện thị dưới tia X. Có bóng Các size từ 3.0 – 10.0 Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	510	Ống nội khí phế quản 2 nòng (sonde carlene)	Bộ	25	Chất liệu polyvinylclorua (PVC). Kích cỡ: dày đủ 03 cỡ Fr 35, 37, 39 (trái/phải), Chiều dài làm việc ≥ 34 cm. Có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối. Gồm ống thông phế quản (trái/ phải) 2 nhánh, 2 bóng, có dây cản quang chia vạch, 1 cây dẫn, 2 ống nối, 1 co Y, 2-4 sợi dây hút đàm kiểm soát. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.
Nội khí quản	511	Bộ mở khí quản qua da tại giường bằng bộ nong	Bộ	13	Bộ mở khí quản dưới da thực hiện tại giường, đóng gói vô trùng gồm: - Ống mở khí quản số 7,8,9. Vật liệu PVC không chứa DEHP, cánh trong suốt, có in mã màu kích cỡ, có bóng nhưng mềm (Soft-Seal) thể tích lớn áp lực thấp, có 2 nòng trong, 1 ống chèn - Kim dẫn kèm cannula nhựa, Dây dẫn đầu J nằm trong dụng cụ thao tác bằng 1 tay - Dụng cụ nong 14 FR, Dụng cụ nong 1 bước hình chữ S có công ở mặt bên, kèm catheter dẫn đường Đầy đủ phụ kiện: Gel bôi trơn, Gạc thấm, Dây cố định ống mở khí quản, Dao mổ an toàn, Bơm tiêm 10 ml, Kéo cầm máu, Nút bọc đầu kim, Chổi vệ sinh nòng trong, Dụng cụ ngắt kết nối Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.

Nội khí quản	512	Ống nội khí quản có hút trên Cuff	Cái	150	<p>Ống nội khí quản có kênh hút trên cuff (có dây hút đảm trên bóng) các cỡ</p> <p>Chất liệu nhựa PVC cao cấp dùng trong y tế, phủ silicone: không độc hại, không DEHP, không gây sốt, trong suốt, mềm, chống xoắn và gãy gấp.</p> <p>Có nối tiêu chuẩn màu trắng và dày, chiều dài 15mm có thể tháo lắp được</p> <p>Có 2 vạch đánh dấu độ sâu thanh môn từ vị trí đầu xa.</p> <p>- Đã tiệt trùng.</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001, EC</p>
Lọc thận	513	Bột khô Bicarbonate 900g (dùng thay thế dịch B)	Túi	7,938	<p>Mỗi túi chứa bột khô thẩm phân máu Natri Bicarbonate, trọng lượng $\geq 900g$.</p> <p>Sản phẩm được sử dụng trực tiếp trên máy thận nhân tạo Fresenius hoặc tương đương.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Lọc thận	514	Bột khô Bicarbonate 960g (dùng thay thế dịch B)	Hộp	7,938	<p>Thành phần: Mỗi hộp chứa bột khô thẩm phân máu Natri Bicarbonate ($NaHCO_3$) trọng lượng 920-960g, sau khi pha với nước RO sẽ tạo ra 10,95l dung dịch thẩm phân máu đậm đặc bicarbonate nồng độ 8,4% sử dụng cho chạy thận nhân tạo.</p> <p>Sản phẩm phù hợp với máy thận các hãng Nipro, Gambro và B.Braun.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
Lọc thận	515	Que thử độ cứng của nước	Lọ	19	<p>Dùng để kiểm tra độ cứng của nước R.O.</p> <p>Độ cứng được sử dụng để mô tả tổng nồng độ của các Mg và Ca.</p> <p>Thể hiện bằng đơn vị ppm hoặc $CaCO_3$.</p> <p>Kiểm tra nước với các nồng độ 0, 10, 25, 50 và 120 ppm (tương ứng với 0, 0.6, 1.5, 3 và 7 hạt/gallon tương ứng)</p> <p>Thời gian kiểm tra và đọc kết quả: ≤ 10 giây.</p> <p>Lọ ≥ 50 que/test.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Lọc thận	516	Que thử hàm lượng Clo trong chạy thận nhân tạo	Lọ	10	<p>Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu, đảm bảo rằng nồng độ clo tự do dưới mức tối đa cho phép AAMI-nồng độ 0.5ppm.</p> <p>Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm.</p> <p>Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 35 giây.</p> <p>Lọ ≥ 100 que/test.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Lọc thận	517	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Lọ	10	<p>Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước.</p> <p>Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm.</p> <p>Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 15 giây.</p> <p>Lọ ≥ 100 que/test.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
Lọc thận	518	Que thử nồng độ Peracetic Acid	Lọ	8	<p>- Sử dụng kiểm tra nồng độ hoá chất khử trùng màng lọc sau khi rửa</p> <p>- Quy cách: ≥ 100 que/lọ</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>

Lọc thận	519	Quả lọc thận nhân tạo màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate	Quả	6,071	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP. Cấu trúc sợi màng gọn sóng - Diện tích $\geq 1,3 \text{ m}^2$. - Thể tích mỗi $\geq 78 \text{ ml}$. - Hệ số siêu lọc $\geq 17 \text{ (mL/giờ/mmHg)}$. - Độ thanh thải ($Q_b \geq 200 \text{ ml/min}$): Ure $\geq 189 \text{ ml/min}$; Creatinine $\geq 180 \text{ ml/min}$ Phosphate $\geq 179 \text{ ml/min}$ Vitamin B12 $\geq 114 \text{ ml/min}$ - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc thận	520	Quả lọc thận nhân tạo low Flux	Quả	3,938	Chất liệu màng lọc: làm từ nguyên liệu Polysulfone hoặc tương đương, không giãn nở khi tiếp xúc với máu và hóa chất bảo quản, không gây dị ứng, phản ứng sốt rét. - Diện tích màng lọc $\geq 1,3 \text{ m}^2$ - Thể tích mỗi $\geq 78 \text{ ml}$ - Hệ số siêu lọc: $\geq 12.9 \text{ mL/giờ} \times \text{mmHg}$ - Độ thanh thải (lưu lượng máu): $\geq 200 - 300 \text{ ml/phút}$ + Ure: ≥ 186 + Creatinine: ≥ 173 + Phosphate: ≥ 148 + Vitamin B12: ≥ 92 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn EC hoặc FDA
Lọc thận	521	Quả lọc thận nhân tạo high Flux	Quả	788	Chất liệu màng lọc: Polysulfone hoặc tương đương, có tính tương hợp tốt với máu. - Diện tích bề mặt $\geq 1.5 \text{ m}^2$ - Thể tích mỗi $\geq 82 \text{ ml}$ - Hệ số siêu lọc $\geq 40 \text{ mL/giờ/mmHg}$ - Hệ số thanh thải (Lưu lượng máu) $\geq 200 \text{ ml/ph}$ + Urea ≥ 185 + Creatinine ≥ 172 + Phosphate ≥ 170 + Vitamin B12 ≥ 118 + Inulin ≥ 88 - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn EC hoặc FDA
Lọc thận	522	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận	Quả	288	Vật liệu hấp phụ: là các hạt Resin, được tiệt trùng. - Thể tích hấp phụ $\geq 130 \text{ ml}$ - Thể tích khoang máu $\geq 114 \text{ ml}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Lọc thận	523	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch	Quả	27	Chất liệu màng: Polysulfone - Diện tích màng (m^2): ≥ 2.2 - Chất liệu vỏ Polypropylene hoặc tương đương - Chất liệu 2 đầu (nắp): Polyurethane hoặc tương đương - Chống ẩm: Silicone - Tương thích với máy Fresenius của bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc thận	524	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch	Quả	126	Màng Polysulfone khả năng hấp thụ cao, tuổi thọ màng lọc: ≥ 150 lần chạy thận/khoảng 900 giờ. - Tương thích với máy Dialog+ tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Lọc thận	525	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ	47,163	Dây được làm bằng nguyên liệu PVC tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex, chống xoắn, không chứa DEHP. + Chiều dài dây tĩnh mạch trong khoảng 2500 - 3500mm, + Chiều dài dây động mạch trong khoảng 3500 - 4200mm. - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. - Tiệt trùng - Phù hợp với các máy chạy thận 4008S và Dialog+ tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Lọc thận	526	Kim chạy thận nhân tạo	Cái	91,875	Kim làm bằng thép không gỉ, thành mỏng, sắc. - Chiều dài kim khoảng: 25 (mm) - Đường kính có nhiều loại 16G hoặc 17G - Cánh bướm xoay được quanh kim. Thiết kế mắt sau. - Dây nối mềm mại theo chuẩn y tế. - Chiều dài dây nằm trong khoảng 200 - 400mm. - Có kẹp dây để khóa - Có cánh để cố định - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Lọc thận	527	Muối tinh khiết dạng viên	Kg	23,875	Muối dạng viên, khô, không mùi, màu trắng - Hàm lượng NaCl $\geq 99,50\%$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
Tán sỏi	528	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần (dây laser 272 μm)	cái	9	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 272 micron, dài 3m, đường kính ngoài 0,42mm, sử dụng cho máy tán sỏi laser Cyber Ho 100 tại bệnh viện. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	529	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần (dây laser 550 μm)	cái	22	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 550 micron, dài 3m, đường kính ngoài 0,75mm, sử dụng cho máy tán sỏi laser Cyber Ho 100 tại bệnh viện. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	530	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần (dây laser 800 μm)	cái	9	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 800 micron, dài 3m, đường kính ngoài 1,2mm, sử dụng cho máy tán sỏi laser Cyber Ho 100 tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	531	Bộ toan mổ dùng 1 lần dùng cho tán sỏi qua da	Bộ	200	Bộ khăn mổ lấy sỏi thận qua da, tiệt trùng bao gồm: - 1 Khăn mổ kích thước $\geq (200 \times 270)\text{cm}$ - 1 Khăn có băng keo kích thước $\geq (80 \times 100)\text{cm}$ - 1 Khăn gói kích thước $\geq (80 \times 90)\text{cm}$ - 2 Khăn thấm kích thước $\geq (30 \times 40)\text{cm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	532	Bộ nong thận chuyên dùng cho tán sỏi qua da	cái	320	Đóng gói vô trùng, 1 bộ bao gồm: - 01 vỏ que nong, cỡ 18Fr. - 06 nong thận, các cỡ 8,10,12,14,16,18Fr. - 01 kim chọc dò: cỡ 18G. - 01 dây dẫn đường cỡ 0.035inch, chiều dài $\geq 75\text{cm}$, đầu cong phủ chất làm giảm ma sát, chống xoắn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	533	Ống thông niệu quản dùng cho tán sỏi qua da	cái	200	Chất liệu làm bằng Polyurethane hoặc tương đương. - Chiều dài $\geq 70\text{cm}$, thiết kế 1 đầu có gắn luer để bơm nước/hóa chất. Cỡ 6Fr. Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Tán sỏi	534	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	cái	44	Vỏ rắn, có các cỡ 0.032 inch, 0.035 inch. Chiều dài dây \geq 150cm. Lõi Nitinol chống gấp khúc. Phần đầu mềm được phủ Hydrophilic 65mm. Tiết trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	535	Ống thông JJ	cái	63	Được làm bằng chất liệu Polyurethane, vỏ được phủ hydrophilic hoặc tương đương. - Có các cỡ: 6Fr; 7Fr. - Chiều dài \geq 26cm. - Tiết trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	536	Rọ bắt sỏi	cái	410	Loại 4 cánh - Cỡ 3Fr - Chiều dài \geq 90cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	537	Ống soi mềm niệu quản	cái	14	.- Đường kính kênh làm việc: 3.6Fr (1.2mm) - Đường kính ngoài: 8.4Fr (2.8mm) - Góc uốn: lên 285°, xuống 285° - Trường nhìn: 120° \pm 10% - Chiều dài làm việc: 670-700mm - Có khóa góc kiểm soát góc uốn - Núm xoay trái hoặc phải 90° - Chức năng hút nước - Nút chụp ảnh trên tay cầm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	538	Giá đỡ ống soi mềm	cái	8	Được sử dụng trong phẫu thuật tiết niệu để thiết lập đường đi của ống nội soi và các dụng cụ khác vào đường tiết niệu. - Nòng trong: 10Fr - Vỏ ngoài: 12Fr - Chiều dài làm việc (mm): 350mm, 450mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	539	Guidewire	Cái	300	Dây dẫn đường cấu tạo lõi Nitinol có hình dạng đầu cuối dạng đầu thẳng hoặc đầu cong. Loại 0,025 inch hoặc 0,035 inch Chiều dài làm việc có tối thiểu cỡ: 4500mm Đầu tip được phủ lớp vật liệu ưa nước Tiêu chuẩn: ISO 13485
Tán sỏi	540	Guidewire	cái	13	Dây dẫn đường cấu tạo lõi Nitinol chống xoắn tốt, có hình dạng đầu cuối dạng đầu thẳng hoặc đầu cong. Loại 0,025 inch hoặc 0,035 inch Chiều dài làm việc có tối thiểu cỡ: 4500mm Đầu tip được phủ lớp vật liệu ưa nước Tiêu chuẩn: ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	541	Rọ lấy sỏi nội soi tiết niệu	Cái	188	Tay cầm bằng nhựa, Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire, rọ có 4 dây, kích thước rọ: 3Fr, 4Fr. Chiều dài rọ: từ 70cm đến 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Tán sỏi	542	Dây dẫn đường dùng cho sonde JJ	Cái	150	Đầu thẳng hoặc đầu J cố định - Có lớp phủ PTFE - Lõi cố định thẳng có đường kính từ 0.018"-0.038"; chiều dài 150cm - Lõi cố định đầu J có đường kính 0.032"-0.038"; chiều dài 150cm; kích thước đầu cong: 3cm" Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tán sỏi	543	Guide Wire niệu quản	Cái	400	Dây dẫn đường làm bằng chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. bao gồm : + dây dẫn: 01 cái + dụng cụ đẩy: 01 cái + Ống định vị dẫn đường: 01 Cái Dạng đầu thẳng. Chiều dài: 150cm. Có tối thiểu các kích thước: 0,032"/0,035" Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	544	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng	cái	1,250	- Đường kính kênh làm việc 2.8mm - Chiều dài làm việc trong khoảng 1.8-2.3m - Đường kính ngàm 2.3mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	545	Kim sinh thiết phế quản	cái	38	- Đường kính kênh làm việc < 2.3mm - Chiều dài làm việc trong khoảng 1.6-2.3m - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	546	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	bộ	129	- 1 Đầu thắt gồm tối thiểu 6 vòng thắt, vòng thứ 2 cuối cùng có màu khác - Đường kính ống nội soi trong khoảng 8.5 mm - 14 mm - Chiều dài dây kéo \geq 142cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	547	Clip cầm máu 2 chiều liền cán	cái	959	Clip cầm máu liền cán dùng một lần, có tối thiểu 2 loại độ mở, đường kính mở trong khoảng từ 11 mm đến 16mm, xoay được 2 chiều 360 độ. Có thể đóng mở nhiều lần , sau khi mở đóng lại hàm clip phải khép kín - Kênh làm việc 2.8mm - Chiều dài các cỡ \geq 2300mm . Tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	548	Kim tiêm cầm máu	cái	400	Đường kính kim tối thiểu 2 cỡ trong khoảng 19G- 25G - Chiều dài làm việc \geq 2300mm - Kênh làm việc 2.8mm. - Độ nhô đầu tip 4mm, 5mm, 6mm, được làm bằng thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	549	Lọng cắt polyp nóng	cái	250	Kênh dụng cụ tối thiểu: 2,8mm. - Chiều dài làm việc \geq 2300mm - Độ mở của lọng trong khoảng từ 10mm -36mm, có ít nhất 2 loại độ mở, thích hợp cho cắt polyp vừa và lớn -- Có thể xoay được - Dây lọng thắt dạng bện làm bằng thép không gỉ - Tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	550	Lọng cắt polyp lạnh	cái	250	-Thiết kế tay cầm 3 ring, Xoay được. Kênh dụng cụ tối thiểu: 2,8mm - Chiều dài làm việc \geq 2300mm - Độ mở của lọng : 10mm - 15mm - Tiêu chuẩn ISO 13485

Tiêu hóa	551	Bóng nong đường mật	cái	4	Bóng nong có điểm đánh dấu cân quang tương thích với dây dẫn 0.035". Đường kính bóng tối thiểu 3 kích cỡ trong khoảng từ 6mm-20mm; kênh làm việc $\geq 2.8\text{mm}$., chiều dài $\geq 1800\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	552	Dụng cụ bơm bóng	cái	4	Dụng cụ bơm bóng cho bóng nong nội soi, Có đồng hồ để theo dõi áp lực của bóng nong khi sử dụng, có khóa khi đặt nắp bơm cho phép. Thể tích xy lanh $\geq 20\text{ml}$ Áp lực tối đa $\geq 12\text{ atm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	553	Bóng lấy sỏi 3 kênh	cái	13	Bóng kéo sỏi, có cân quang. Có 3 kênh (kênh guidewire, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cân quang). Đường kính bơm bóng trong khoảng: 8mm đến 20mm, tối thiểu 3 cỡ. - Phù hợp kênh làm việc đường kính $\geq 2.8\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	554	Dao cắt cơ oddi	cái	7	Dao cắt cơ vòng dạng xoay hoặc vòm, chiều dài dây cắt 20mm - 30mm Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$ Đầu tít có cân quang Tương thích dây dẫn hướng tối thiểu cỡ 0.035 inch - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	555	Rọ lấy sỏi	Cái	3	Tay cầm bằng nhựa. Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire, rọ có 4 dây. Kích thước rọ: 3Fr, 4Fr. Chiều dài rọ: 70cm, 90cm, 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	556	Bộ dây stent đường mật	cái	4	Bộ dây stent nhựa đường mật, có cân quang. Phù hợp với ống có kênh dụng cụ tối thiểu $\geq 2,8\text{mm}$. Tương thích với sten đường kính ống tối thiểu cỡ 7F; 10F Chiều dài làm việc $\geq 1800\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
Tiêu hóa	557	Stent đường mật các loại	cái	13	Sten nhựa đường mật: loại thẳng, loại cong tá tràng hoặc loại cong giữa hoặc loại đuôi heo. Đường kính sten tối thiểu có các kích cỡ: 7F; 8.5F; 10F chiều dài tương ứng từ 5cm - 18cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	558	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu sứ cách điện	cái	8	Dao cắt hút niêm mạc có đầu cách điện, bằng sứ Vỏ ngoài cách điện, dính liền điện cực - Phù hợp với ống có đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm. - Chiều dài dao 4mm - Chiều dài làm việc: tối thiểu có kích thước 1950mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	559	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núp có tưới rửa	cái	10	Dao cắt hút niêm mạc đầu hình núp - Có chức năng tưới rửa, hỗ trợ tiêm phòng niêm mạc. - Phù hợp với kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm - Đầu dao cắt có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại, chiều dài từ 1.5mm đến 2mm. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Tiêu hóa	560	Dụng cụ cầm máu dạng bột	Bộ/ hộp	2	Dụng cụ cầm máu dạng bột dùng điều trị chảy máu đường tiêu hóa trên và dưới trong các phẫu thuật nội soi đường tiêu hóa, nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng., bộ gồm: 1. Bột cầm máu chất liệu polysaccharide thực vật, phun trực tiếp lên vết thương, dùng như một loại thuốc cầm máu hỗ trợ kiểm soát chảy máu - Trọng lượng bột có tối thiểu các loại : 1g, 2g, 3g 2. Thiết bị phun bột: Chiều dài catheter làm việc $\geq 2300\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	561	Bộ mở thông dạ dày qua da dạng dây	bộ	13	Bộ mở thông dạ dày bao gồm: Ống thông nuôi ăn có kích thước $\geq 20\text{Fr}$, kích thước nút nuôi ăn 2.5cm - 4.5cm Kim khâu cố định dạ dày, chất liệu thép không gỉ, kích thước $\geq 20\text{G}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	562	Kẹp cầm máu nóng dạ dày, thực quản	cái	8	Kẹp cầm máu nóng qua nội soi, hỗ trợ thủ thuật cắt hết niêm mạc qua nội soi (ESD), hỗ trợ tính năng xoay, chiều dài làm việc $\geq 1650\text{mm}$, đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	563	Kẹp cầm máu nóng đại tràng	cái	6	Kẹp cầm máu nóng qua nội soi, hỗ trợ thủ thuật cắt hết niêm mạc qua nội soi (ESD) hỗ trợ tính năng xoay, chiều dài làm việc $\geq 2300\text{mm}$, đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 3.2mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
Tiêu hóa	564	Ngáng miệng dùng 1 lần	cái	125	Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em, ngáng miệng được làm từ chất liệu nhựa an toàn trong y tế, có dây đeo hoặc không
Tiêu hóa	565	Rọ lấy dị vật phế quản	cái	2	Rọ lấy dị vật đường tiêu hóa : - Đường kính: 1.8mm. - Chiều dài làm việc: 1900mm. - Tương thích kênh ống soi 2.0mm. - Rọ có độ mở 10/15/20mm. - Sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	566	Rọ lấy dị vật tiêu hóa	cái	4	Dùng lấy dị vật. Rọ 4 dây xoắn Độ mở từ 30mm đến 55mm. Đường kính dây dẫn tương thích với kênh làm việc 2.8mm, dài $\geq 200\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	567	Vợt lấy dị vật phế quản	cái	2	Sử dụng trong nội soi can thiệp. Chiều dài $\geq 1700\text{mm}$, đường kính 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm. Tương thích kênh 2,8 mm Sử dụng nhiều lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
Tiêu hóa	568	Vợt lưới lấy dị vật (tiêu hóa)	cái	4	Vợt hút dị vật có tay cầm 3 ring, ở tay cầm có khuyên để xoay chiều vợt hút. Chiều dài làm việc 160cm/230cm, kích thước vợt 30mm, tương thích với kênh làm việc 2,8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA

Tiêu hóa	569	Clip ngàm đôi	cái	6	Clip có trụ trung tâm, hai bên có ngàm hoạt động độc lập hỗ trợ kẹp cầm máu các vết hở trên bề mặt niêm mạc. Các cỡ Clip có độ mở 15mm-16mm, Chiều dài: ≥ 2300 mm Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
----------	-----	---------------	-----	---	---